



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 80

Ngày 15 tháng 7 năm 2017

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

21-6-2017- Quyết định số 3206/QĐ-UBND ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3206/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2017***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 24 tháng 6 năm 2004 và Luật số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT;

Căn cứ Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 25/2016/TT-BGTVT ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2196/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả công tác bảo dưỡng thường xuyên Quốc lộ theo chất lượng thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 3409/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Tiêu chuẩn kỹ thuật Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN ban hành kèm theo Quyết định số 1682/QĐ-TCĐBVN ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Tổng Cục đường bộ Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 8046/SGTVT-KT ngày 23 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành (sau đây gọi tắt là *công tác quản lý, vận hành và bảo trì công trình*) được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo trì công trình được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Khuyến khích các nhà đầu tư được giao quản lý công trình theo Hợp đồng BOT, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các chủ sở hữu công trình thuộc lĩnh vực giao thông vận tải thực hiện quản lý, vận hành, bảo trì công trình theo các nội dung tại Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bảo trì công trình* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm

việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

2. Các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

- 2.1. Công trình đường bộ.
- 2.2. Công trình chiếu sáng công cộng.
- 2.3. Công trình công viên, cây xanh.
- 2.4. Công trình thoát nước.
- 2.5. Công trình đường thủy nội địa.

3. Đường bộ gồm: đường, cầu đường bộ, bến phà đường bộ.

4. Công trình đường bộ gồm: đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.

5. Công trình chiếu sáng công cộng gồm: chiếu sáng các công trình giao thông (đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ); chiếu sáng không gian công cộng trong đô thị (quảng trường, công viên, mảng xanh công cộng).

6. Công trình công viên, cây xanh gồm: các công viên, mảng xanh, cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị.

7. Công trình thoát nước gồm: mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải.

8. Công trình đường thủy nội địa gồm: luồng chạy tàu thuyền; cảng, bến thủy nội địa; âu tàu, kè, đập; báo hiệu, tín hiệu và các công trình phụ trợ khác.

9. Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình là các thao tác kỹ thuật và các hoạt động quản lý cần thiết nhằm phòng ngừa và khắc phục kịp thời những hư hỏng

nhỏ, thay thế các thiết bị bị hư hỏng lắp đặt vào công trình, được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình hoặc bổ sung, sửa chữa một số hạng mục có khối lượng nhỏ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường, đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

10. *Cơ quan có thẩm quyền* là Sở Giao thông vận tải.

11. *Đơn vị quản lý* là các đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải.

12. *Đơn vị thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình* là các đơn vị nhận đặt hàng, nhà thầu trúng thầu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và có ký kết hợp đồng trực tiếp với đơn vị quản lý (sau đây gọi tắt là nhà thầu).

13. *Kiểm tra công trình* là việc xem xét bằng trực quan do những người có trách nhiệm, kinh nghiệm và/hoặc sử dụng thiết bị chuyên dụng để đánh giá hiện trạng công trình nhằm phát hiện các dấu hiệu hư hỏng của công trình.

14. *Sửa chữa công trình* bao gồm:

15.1. *Sửa chữa định kỳ công trình* bao gồm sửa chữa hư hỏng hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì;

15.2. *Sửa chữa đột xuất công trình* được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

Chương I

QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG

Điều 3. Quản lý công trình đường

1. Tuần tra đường bộ

Công tác tuần tra đường bao gồm các nội dung công việc như sau:

1.1. Tuần tra, kiểm tra phát hiện và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý về những trường hợp sau đây:

– Những sự cố, hư hỏng mặt đường như: ổ gà, hố sụt nguy hiểm, các vị trí nhồi lún, sụt lở ta luy, lấn phui công trình ngầm bị lún, lồi, hầm ga cao hoặc thấp hơn so với mặt đường, nắp hầm kỹ thuật cong, vênh, gây tiếng ồn;

– Những sự cố, hư hỏng của các hệ thống công trình liên quan trong phạm vi đất dành cho đường bộ có ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông và điều kiện khai thác của công trình bao gồm các công trình đường bộ và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;

– Những đoạn đường thường xuyên xảy ra hiện tượng ùn xe, có nguy cơ xảy ra ùn tắc giao thông; những vị trí phát sinh chướng ngại vật; những vị trí bị chiếm dụng lòng, lề đường để họp chợ, chứa vật tư; những vị trí mất an toàn trên vỉa hè, lề đường gây cản trở cho người đi bộ; các hư hỏng của trạm dừng, nhà chờ xe buýt; phát hiện những bất cập của hệ thống biển báo;

– Những vị trí bị ngập trên đường do trời mưa hoặc các đoạn đường thường xuyên bị ngập nước do triều cường;

– Các hành vi lấn chiếm, xâm phạm hành lang bảo vệ an toàn đường bộ; các vị trí đầu nối vào đường bộ đang khai thác gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

1.2. Theo dõi việc thi công các công trình trên đường bộ đang khai thác (đơn vị thi công, đơn vị quản lý, thời gian thi công...); nếu phát hiện các hành vi gây mất an toàn giao thông phải thông báo ngay đến đơn vị quản lý.

1.3. Theo dõi và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý tình trạng xe quá tải lưu thông trên cầu, đường đối với các công trình cầu, đường có giới hạn tải trọng khai thác.

1.4. Xử lý ngay các trường hợp bị hư hỏng nhỏ không cần vật tư như chỉnh sửa cọc tiêu, biển báo bị xiêu vẹo, cong vênh, dán giấy che khuất; bu lông bị lỏng, tuột, mé nhánh cây che khuất biển báo hiệu giao thông...).

1.5. Cập nhật dữ liệu trên máy vi tính: đơn vị thực hiện phải cập nhật các số liệu về duy tu sửa chữa, các diễn biến phát sinh thường xuyên trên đường vào máy vi tính hoặc phần mềm quản lý chuyên ngành và cung cấp cho đơn vị quản lý.

2. Đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông bao gồm các nội dung công việc như sau:

2.1. Trực gác, hướng dẫn giao thông tại những vị trí phát sinh sự cố gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông; bảo đảm an toàn cho người và phương tiện giao thông trên đường.

2.2. Thiết lập ngay biển báo hiệu nguy hiểm, hàng rào tại chỗ khi phát hiện bất kỳ sự cố, phát sinh hư hỏng nào có nguy cơ đe dọa đến an toàn giao thông hoặc xảy ra tai nạn giao thông; đồng thời thông báo ngay cho đơn vị quản lý để có biện pháp xử lý kịp thời.

2.3. Dặm vá ngay những ổ gà, hố sụt trong vòng 24 giờ (khối lượng sẽ được tính trong công tác bảo dưỡng thường xuyên). Trường hợp cấp bách phải tiến hành thực hiện ngay bằng mọi giải pháp để đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

2.4. Phối hợp thường xuyên với các đơn vị liên quan để khắc phục mọi sự cố, tình huống ảnh hưởng đến an toàn giao thông hoặc làm hư hỏng công trình giao thông.

2.5. Khi xảy ra ùn, tắc hoặc tai nạn giao thông, nhân viên tuần đường phải có mặt để thu thập thông tin, sơ bộ xác định nguyên nhân và báo cáo, đề xuất biện pháp xử lý cho đơn vị quản lý; thực hiện phối hợp với các lực lượng chức năng để hướng dẫn, điều tiết giao thông.

Việc thống kê theo dõi và phân tích nguyên nhân các vụ tai nạn giao thông đường bộ giúp cho đơn vị quản lý, cơ quan quản lý biết được vị trí hay đoạn đường hay xảy ra tai nạn giao thông, biết được nguyên nhân gây ra tai nạn nếu là do kết cấu hạ tầng giao thông (không có biển báo, khuất tầm nhìn, mặt đường trơn trượt hay mắt siêu cao, bán kính đường cong trên bình đồ không phù hợp...) để có kế hoạch sửa chữa, bổ sung kịp thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông.

3. Đăng ký đường

3.1. Các công trình đường khi bắt đầu đưa vào khai thác phải tiến hành đăng ký đường và sau quá trình sử dụng từ 10-15 năm cần đăng ký lại để xác định tình trạng kỹ thuật vốn có lúc ban đầu và sự thay đổi các yếu tố kỹ thuật trong quá trình khai thác.

3.2. Hồ sơ đăng ký đường theo hướng dẫn tại Mục 4.2.4.1 Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ (TCCS 07: 2013/TCĐBVN). Các số liệu đăng ký đường được số hóa và lưu trữ trong máy tính của đơn vị quản lý và cập nhật

thường xuyên vào phần mềm quản lý chuyên ngành của Sở Giao thông vận tải.

Điều 4. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường

Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường (áp dụng chung cho cả đường dẫn vào cầu, đường dân sinh hai bên cầu, dưới gầm cầu) bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Đắp phụ nền, lề đường.
2. Bạt lề đường.
3. Cắt cỏ bằng máy.
4. Phát quang cây cỏ bằng thủ công.
5. Vét rãnh hở, mương hở, hào kỹ thuật.
6. Vệ sinh mặt đường.
7. Đếm xe, nghiên cứu tổ chức phân luồng giao thông.
8. Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc.
9. Xử lý cao su, sinh lún.
10. Vá ổ gà, cọc găm, lún cục bộ, lún trôi mặt đường.
11. Sửa chữa khe nứt mặt đường.
12. Bảo dưỡng khe co giãn mặt đường bê tông xi măng.
13. Sửa chữa nứt nhỏ mặt đường bê tông xi măng.
14. Sơn biển báo, cột biển báo, dải phân cách, tôn lượn sóng, cọc tiêu, cọc H, cọc Km, mốc lộ giới.
15. Nắn chỉnh, thay thế, bổ sung, biển báo, cột biển báo, dải phân cách, cọc tiêu, cọc mốc lộ giới, cọc H, cọc Km.
16. Dán lại lớp phản quang biển báo, cột Km, dải phân cách có dán phản quang.
17. Sơn dặm, sơn bổ sung vạch kẻ đường;
18. Vệ sinh sơn đường.
19. Xóa vạch sơn đường.
20. Thay thế tôn lượn sóng.

21. Vệ sinh dải phân cách, mặt biển báo phản quang, tường phòng hộ, tôn lượn sóng.

22. Nắn sửa, vệ sinh, thay thế trụ đèn.

23. Vệ sinh, thay thế, bảo dưỡng mặt phản quang.

24. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương II

QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH CẦU ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Quản lý công trình cầu

1. Tuần tra cầu

Công tác tuần tra cầu bao gồm các nội dung công việc như sau:

1.1. Tuần tra, kiểm tra phát hiện và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý về những trường hợp sau đây:

- Những sự cố, hư hỏng trên mặt, sàn, lan can cầu và lề bộ hành như: mặt cầu bị ổ gà, đọng nước sau mưa; lề bộ hành bị bong tróc bê tông, không bằng phẳng; lan can cầu bị bong tróc bê tông, hoặc lan can thép liên kết hàn bị hở mối nối, cong vênh; cáp treo bị chùng, rỉ sét, có dấu hiệu bị đứt...;

- Khe co giãn mặt cầu không bị bong bật, mấp mô, đọng rác, đất;

- Mái taluy mố cầu và đường đầu cầu bị lún sập;

- Các hiện tượng hư hỏng, mất cấp hoặc thiết lập không đúng qui định của hệ thống cọc tiêu, biển báo trên cầu và đường vào cầu (biển tải trọng cầu, biển tên cầu, biển báo cấm tụ tập, biển báo thông thuyền ...);

- Những sự cố, hư hỏng hoặc mất mát đèn chiếu sáng công cộng trên cầu;

- Cây xanh mọc ở đầu cầu làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông;

- Các sự cố, hư hỏng hoặc mất mát về các công trình lắp đặt trên cầu như hệ thống cáp điện, cáp bu điện, cấp nước, thoát nước ...;

- Các hành vi chiếm dụng mặt cầu, hành lang cầu để vật tư hoặc trú ngụ, buôn

bán hàng rong, neo đậu tàu, thuyền trong phạm vi hành lang an toàn cầu.

1.2. Theo dõi và báo cáo kịp thời cho đơn vị quản lý về các trường hợp phương tiện lưu thông vượt quá tải trọng khai thác của công trình cầu; tình trạng ùn tắc giao thông trên cầu.

1.3. Tình trạng khai thác của các trụ chống va (nếu có).

1.4. Xử lý ngay các trường hợp bị hư hỏng nhỏ không cần vật tư như chỉnh sửa cọc tiêu, biển báo, dải phân cách bị nghiêng, cong vênh; siết chặt các bu lông bị lỏng, tuột, mé nhánh cây che khuất biển báo hiệu giao thông.

2. Kiểm tra cầu

Công tác kiểm tra cầu bao gồm các nội dung công việc như sau:

2.1. Đánh giá tình trạng làm việc của công trình cầu, phát hiện các hư hỏng gây mất an toàn giao thông, ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của công trình cầu, đồng thời theo dõi các hư hỏng đã được đánh dấu từ những lần kiểm tra trước.

2.2. Kiểm tra chi tiết các bộ phận cấu tạo của công trình. Trong trường hợp cần thiết phải có các loại máy chuyên dụng để thăm dò, đo đạc. Kết quả kiểm tra và các số liệu thăm dò, đo đạc, theo dõi những hư hỏng, biện pháp giải quyết, khối lượng cần sửa chữa phải được ghi chép đầy đủ vào sổ kiểm tra công trình cầu.

2.3. Nếu phát hiện những hư hỏng mà xét thấy có ảnh hưởng đến an toàn của công trình cầu thì phải báo cáo ngay cho đơn vị quản lý để có kế hoạch kiểm tra, sửa chữa kịp thời, đảm bảo an toàn giao thông. Đồng thời đơn vị thực hiện phải chủ động áp dụng ngay các biện pháp tạm thời để giữ được an toàn công trình, an toàn giao thông.

2.4. Nội dung kiểm tra cầu:

– Kiểm tra mặt cầu bao gồm: Tình trạng lớp phủ mặt cầu; thoát nước của mặt cầu; các khe co giãn (có bị nứt vỡ, dập nát); các gờ chắn bánh xe, lan can cầu; các biển báo, cột đèn chiếu sáng, tường phòng vệ ở hai đầu cầu;

– Kiểm tra tình trạng của dầm cầu, vòm cầu, cáp chịu lực (đối với cầu dự ứng lực ngoài);

– Kiểm tra tình trạng gối cầu;

– Kiểm tra móng, trụ cầu, kiểm tra sự xói lở chân móng móng trụ, chân khay và 1/4

nón mố; nền mặt đường sau mố;

– Kiểm tra các công trình phòng hộ và điều tiết dòng chảy như: trụ chống va, kè hướng dòng, kè ốp mái nền đường dẫn, kè mép sông v.v... cần chú ý đến sự ổn định của các công trình này (không bị nứt vỡ, sạt lở, nghiêng lún) và đánh giá hiệu quả của công trình đó;

– Kiểm tra việc chiếm dụng trái phép mố, dạp cầu để vật tư hoặc trú ngụ, buôn bán, các hành vi lắp đặt các công trình trái phép trên cầu (như cáp điện, cáp bưu điện, ống cấp nước...);

– Cập nhật dữ liệu trên máy vi tính: đơn vị thực hiện phải cập nhật các số liệu về duy tu sửa chữa, các diễn biến phát sinh thường xuyên của công trình cầu vào máy vi tính và cung cấp cho đơn vị quản lý.

3. Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính

3.1. Nội dung hồ sơ quản lý cầu bao gồm: hồ sơ hoàn công; hồ sơ đánh giá, kiểm tra công trình; hồ sơ đăng ký và kiểm định cầu; các mốc cao độ, tọa độ, quan trắc; biên bản kiểm tra, nghiệm thu, ảnh chụp... Tất cả các dữ liệu phải được số hóa và được lưu trữ hoặc cập nhật thường xuyên trên phần mềm quản lý.

3.2. Trong quá trình quản lý khai thác, phải bổ sung kịp thời những số liệu thay đổi vào hồ sơ quản lý cầu trên máy vi tính.

4. Đăng ký cầu

4.1. Các công trình cầu khi bắt đầu đưa vào khai thác phải tiến hành đăng ký cầu và sau quá trình sử dụng từ 10-15 năm cần đăng ký lại để xác định tình trạng kỹ thuật vốn có lúc ban đầu và sự thay đổi các yếu tố kỹ thuật trong quá trình khai thác.

Giao Sở Giao thông vận tải quy định chi tiết về Mẫu hồ sơ đăng ký cầu để các đơn vị quản lý áp dụng, thực hiện.

4.2. Các số liệu đăng ký cầu phải được số hóa dữ liệu, lưu trữ trong máy tính của nhà thầu và phải thường xuyên cập nhật trong phần mềm của đơn vị quản lý và cơ quan có thẩm quyền.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mới trong công tác quản lý cầu. Hiện đại hóa công tác quản lý cầu bằng các phần mềm chuyên ngành, thiết bị quan trắc, cảm biến.

6. Đối với phần đường dẫn vào cầu, đường dân sinh: Công tác tuần tra đường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 của Quy định này. Khi thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông phần đường dẫn vào cầu, đường dân sinh phải thực hiện cả công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông cho công trình cầu.

Điều 6. Bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu đường bộ

Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu đường bộ bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh mặt cầu, ống thoát nước.
2. Vệ sinh lan can cầu.
3. Vệ sinh khe co giãn cầu, mố cầu, trụ cầu, lan can cầu.
4. Vệ sinh hai đầu dầm các nhịp của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép, nút liên kết dầm - giàn của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép.
5. Vệ sinh sơn đường.
6. Vệ sinh dải phân cách.
7. Kiểm tra bắt xiết bu lông cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép.
8. Sơn lan can cầu, dầm cầu, mố trụ cầu, các cấu kiện thép.
9. Sơn cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép.
10. Sửa chữa, thay thế lan can cầu.
11. Sửa chữa hư hỏng cục bộ 1/4 nón mố cầu.
12. Sửa chữa, thay thế khe co giãn.
13. Bôi mỡ gối cầu thép.
14. Thay thế ống thoát nước.
15. Vá ổ gà, bong bật, sửa chữa lún, trôi mặt cầu.
16. Phát quang cây cỏ.
17. Bảo dưỡng công trình phòng hộ (kè hướng dòng).

18. Thanh thải dòng chảy dưới cầu.
19. Trục gác cầu.
20. Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão.
21. Kiểm tra định kỳ.
22. Kiểm định, thử tải cầu.
23. Đo dao động - biến dạng công trình cầu.
24. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG, CAMERA QUAN SÁT, BẢNG THÔNG TIN GIAO THÔNG ĐIỆN TỬ

Điều 7. Quản lý, vận hành đèn tín hiệu giao thông

1. Tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động của mỗi nút (chốt) hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống; báo cáo cho đơn vị quản lý để điều chỉnh thời lượng hoạt động của các pha đèn phù hợp với tình hình giao thông. Phát hiện và xử lý kịp thời những vị trí mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống.

2. Đo đạc, kiểm tra thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

3. Sửa chữa khắc phục sự cố tủ điều khiển.

4. Đảm bảo an toàn điện đối với hệ thống tín hiệu giao thông.

5. Vệ sinh thiết bị của hệ thống.

Điều 8. Quản lý, vận hành camera quan sát

1. Giám sát, điều khiển từ Trung tâm điều khiển:

1.1. Giám sát giao thông và điều khiển camera từ trung tâm thông qua phần mềm quản lý.

1.2. Lưu trữ dữ liệu hình ảnh của camera về các sự cố giao thông (tai nạn, vi phạm lấn tuyến, đi ngược chiều, đua xe...)

1.3. Giám sát tình trạng hoạt động, kết nối của camera.

1.4. Chia sẻ dữ liệu hình ảnh của camera với các đơn vị phối hợp khi cần thiết.

1.5. Tiếp nhận thông tin thực tế để điều chỉnh thời lượng đèn tín hiệu giao thông đã kết nối về trung tâm, đảm bảo thông suốt tại giao lộ.

1.6. Tiếp nhận và cung cấp thông tin thực tế về đơn vị quản lý để kịp thời điều chỉnh thời lượng đèn tín hiệu giao thông chưa kết nối về trung tâm.

2. Vận hành tại chỗ (thiết bị ngoại vi):

2.1. Tuân tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động của mỗi tủ điều khiển camera hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống; Phát hiện và xử lý kịp thời những vị trí mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống.

2.2. Thường xuyên tiếp nhận thông tin từ Trung tâm điều khiển để xử lý các sự cố kịp thời: mất tín hiệu, không điều khiển được, mất kết nối.

2.3. Đo đạc, kiểm tra thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống camera.

2.4. Sửa chữa khắc phục sự cố tủ điều khiển.

Điều 9. Quản lý, vận hành bảng thông tin giao thông điện tử

1. Giám sát, điều hành từ Trung tâm điều khiển:

1.1. Khởi động từ xa bằng phần mềm điều khiển.

1.2. Kiểm tra tình trạng kết nối.

1.3. Giám sát trạng thái kết nối của bảng thông tin giao thông điện tử với trung tâm điều khiển, giám sát trạng thái kết nối vào mạng.

1.4. Chuyển qua hiển thị các chương trình mặc định hoặc dừng hoạt động bảng thông tin giao thông điện tử khi gặp sự cố mất kết nối từ Trung tâm.

1.5. Chụp lại thông tin hiển thị của bảng.

1.6. Thực hiện chức năng quét bảng: kiểm tra tình trạng hoạt động của Led màn hình.

2. Vận hành tại chỗ (thiết bị ngoại vi):

2.1. Thường xuyên tuân tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động bảng thông tin giao thông điện tử hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống; Phát hiện và xử lý kịp thời những vị trí mất an toàn điện, các trường hợp xâm phạm đến hệ thống.

2.2. Thường xuyên tiếp nhận thông tin từ Trung tâm điều khiển để xử lý các sự cố kịp thời: mất tín hiệu, mất nét, mất kết nối....

2.3. Thường xuyên kiểm tra, ghi nhận và xử lý các sự cố: mất nét, chùng tin, mất kết nối....

2.4. Kiểm tra kín nước phía trước, phía sau bảng thông tin giao thông điện tử (hàng ngày).

2.5. Kiểm tra an toàn cơ học, các mối nối, bu long lắp đặt khung cabin và tay vịn (tuần/lần)..

2.6. Kiểm tra kết cấu trụ, khe hở giữa các cabin (tuần/lần).

2.7. Đảm bảo an toàn điện đối với hệ thống bảng thông tin giao thông điện tử.

2.8. Đảm bảo thông tin giao thông thực được cung cấp từ đơn vị có liên kết để đưa lên bảng thông tin giao thông điện tử, nhằm cung cấp thông tin giao thông thực cho người tham gia giao thông biết và điều chỉnh lộ trình lưu thông.

Điều 10. Bảo dưỡng thường xuyên đèn tín hiệu giao thông

Công tác bảo dưỡng thường xuyên đèn tín hiệu giao thông bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Sửa chữa, thay thế, bổ sung đèn tín hiệu giao thông các loại (xanh, vàng, đỏ, số đếm lùi, đi bộ, lặp lại và các thiết bị khác thuộc hệ thống).

2. Sửa chữa, thay thế các thiết bị thuộc hệ thống tủ điều khiển.

3. Xử lý chập chập sự cố cáp nối, cáp ngầm các loại.

4. Thuê bao đường truyền kết nối mạng.

5. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Điều 11. Bảo dưỡng thường xuyên camera quan sát

Công tác bảo dưỡng thường xuyên camera quan sát bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh camera theo định kỳ.

2. Vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị thuộc hệ thống điều khiển.

3. Xử lý sự cố mất kết nối: thay cáp tín hiệu, hàn nối cáp quang, dây nhảy quang.

4. Kiểm tra thiết bị lọc sét, kiểm tra điểm nối đất với thiết bị lọc sét.
5. Đo cách điện, nối đất.
6. Sửa chữa, thay thế, bổ sung camera.
7. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Điều 12. Bảo dưỡng thường xuyên bảng thông tin giao thông điện tử

Công tác bảo dưỡng thường xuyên bảng thông tin giao thông điện tử bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh bảng thông tin điện tử theo định kỳ.
2. Đo cách điện, nối đất.
3. Kiểm tra độ sáng, độ đồng màu, quạt làm mát từng cabin, độ lệch về vị trí hiển thị và dữ liệu hiển thị.
4. Kiểm tra điện áp AC và DC, công suất tiêu thụ.
5. Kiểm tra thiết bị lọc sét, kiểm tra điểm nối đất với thiết bị lọc sét.
6. Sửa chữa, thay thế bộ nguồn, Board mạch các loại, thiết bị truyền dẫn, modul LED.
7. Xử lý sự cố mất kết nối: thay thế cáp tín hiệu, hàn nối cáp quang, dây nhảy quang.
8. Kiểm tra dữ liệu phát ra từ CPU: đúng dữ liệu, đúng địa chỉ, đúng màu từ dữ liệu mã hóa từ Trung tâm.
9. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương IV

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG

Điều 13. Quản lý, vận hành công trình chiếu sáng công cộng

1. Đảm bảo hệ thống chiếu sáng công cộng hoạt động ổn định, thời gian hoạt động đúng quy định, đảm bảo an toàn điện của hệ thống.
2. Công tác duy trì trạm đèn, tùy theo tính chất của tuyến đèn để xác định tần

suất thực hiện và được thực hiện theo các nội dung công việc như sau:

2.1. Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, tắt và tình hình hoạt động của hệ thống. Phải đảm bảo sáng tối thiểu 98% trên tổng số bộ đèn của tủ điều khiển (ngoại trừ số lượng đèn tắt do tiết giảm, đèn tắt do bị mất cấp dây nguồn); Cập nhật đầy đủ, thường xuyên số liệu quản lý, duy tu bảo dưỡng thường xuyên. Kịp thời điều chỉnh thời gian hoạt động của hệ thống chiếu sáng theo đúng thời gian quy định (không quá 48 giờ kể từ khi có Thông báo của đơn vị quản lý).

2.2. Theo dõi và đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện.

2.3. Kiến nghị đến đơn vị quản lý để sửa chữa thay thế các hư hỏng của thiết bị có liên quan, mất an toàn điện của hệ thống chiếu sáng công cộng. Kịp thời khắc phục ngay những sự cố dẫn đến hệ thống chiếu sáng không hoạt động, gây mất an toàn giao thông, mất an toàn điện.

2.4. Kiểm tra, đo đạc các thông số liên quan về điện năng và ánh sáng. Ghi chép đầy đủ vào phiếu kiểm tra các nội dung nêu trên. Phiếu kiểm tra đặt trong tủ điều khiển để kiểm tra.

3. Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng tại Trung tâm điều khiển.

Điều 14. Bảo dưỡng thường xuyên công trình chiếu sáng công cộng

Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình chiếu sáng công cộng bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu như sau:

1. Vệ sinh, bảo dưỡng vật tư, thiết bị của hệ thống.

2. Sửa chữa, thay thế, bổ sung vật tư thiết bị của hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị: các thiết bị của bộ đèn (chip LED, Driver, bóng đèn, kích, ballast, vỏ đèn, tụ điện); trụ đèn; các thiết bị của tủ điều khiển; dây cáp các loại và các thiết bị liên quan.

3. Xử lý chập chập, sự cố cấp nổi, cấp ngầm các loại; các sự cố khác.

4. Thuê bao đường truyền kết nối mạng.

5. Các hạng mục công tác khác có liên quan.

Chương V
QUẢN LÝ, CHĂM SÓC, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG VIÊN,
MẢNG XANH VÀ CÂY XANH

Điều 15. Quản lý công viên, mảng xanh và cây xanh

1. Công tác quản lý công viên, mảng xanh:

1.1. Bảo vệ, đảm bảo trật tự trong công viên, mảng xanh: tổ chức lực lượng tuần tra, bảo vệ tại công viên, mảng xanh theo đặc thù từng vị trí và yêu cầu của đơn vị quản lý; nhắc nhở và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm nội quy công viên, mảng xanh và các quy định về bảo vệ công viên, mảng xanh; giữ gìn tài sản và trật tự của công viên, mảng xanh; phối hợp với cơ quan chức năng trong việc đảm bảo an ninh trong khu vực công viên, mảng xanh.

1.2. Quản lý hồ sơ công viên, mảng xanh:

Theo dõi, cập nhật thông tin, số liệu, bản vẽ về công viên, mảng xanh trên máy tính và lập báo cáo thống kê các thay đổi về hiện trạng, diện tích và khối lượng chi tiết trong công viên, mảng xanh trên địa bàn quản lý.

2. Công tác quản lý cây xanh bóng mát (gồm cả bồn gốc cây)

2.1. Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát: Tổ chức lực lượng tuần tra hệ thống cây xanh bóng mát, bồn gốc cây quản lý nhằm:

– Phát hiện cây nguy hiểm và xác định mức độ nguy hiểm có thể tác động tới người, phương tiện và công trình để có biện pháp xử lý kịp thời; Phát hiện và đề xuất hoặc có biện pháp xử lý kịp thời các trường hợp cây xanh bóng mát bị sâu bệnh, bị hư hại.

– Phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại đến cây xanh bóng mát, bồn gốc cây.

– Phát hiện và đề xuất xử lý đối với cây xanh bóng mát chưa có trong khối lượng chăm sóc trên các tuyến đường đang quản lý chăm sóc.

2.2. Quản lý hồ sơ cây xanh bóng mát:

Theo dõi, cập nhật thông tin, số liệu về cây xanh bóng mát trên máy tính và lập báo cáo thống kê các thay đổi về khối lượng, chủng loại, phân loại cây xanh bóng mát trên địa bàn quản lý.

Điều 16. Chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh:

1. Công tác chăm sóc, bảo dưỡng công viên, mảng xanh bao gồm các hạng mục chủ yếu như sau:

1.1. Chăm sóc thảm cỏ và cây che phủ nền.

1.2. Chăm sóc cây trang trí: hoa ngắn ngày, kiềng có hoa, kiềng lá, cây trổ hoa, cây dáng đẹp, cây tạo hình, cây kiềng trồng chậu, cây leo, cây thủy sinh.

1.3. Bứng, di dời cây trang trí.

1.4. Trồng thay thế cây trang trí.

1.5. Vệ sinh trong công viên, mảng xanh: gồm các công việc nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong công viên, mảng xanh, chủ yếu như sau:

– Quét rác, nhặt rác; chà rửa vỉa hè, nền đá, nền cao su, ghế ngồi, thùng rác, nhà vệ sinh; làm cỏ đường đi...

– Vệ sinh hồ nước, hồ ga, cống thoát nước, bao gồm công tác chính là: thay nước hồ; vớt rác, lá khô trên mặt hồ và thu gom phế thải, vớt rau bèo trên mương rạch; nạo vét cống rãnh, múc bùn hồ ga.

– Thu gom và vận chuyển rác: là công tác thu gom rác về điểm tập kết trong công viên, mảng xanh và vận chuyển đến địa điểm xử lý.

– Vệ sinh tượng, vật kiến trúc; bảo dưỡng tiểu cảnh.

1.6. Bảo dưỡng, vận hành hệ thống tưới tự động, hồ phun nước, sân chơi nước trong công viên, mảng xanh, gồm các công việc chủ yếu sau:

– Kiểm tra van điện từ, máy bơm.

– Kiểm tra, vận hành, duy trì tủ điều khiển.

– Kiểm tra, điều chỉnh và vệ sinh vòi, thân phun.

– Xúc rửa đường ống, vệ sinh bể chứa.

– Đo, kiểm tra áp lực kênh tưới.

1.7. Bảo dưỡng thiết bị thể dục thể thao và thiết bị trò chơi thiếu nhi trong công viên, mảng xanh (thiết bị không chuyển động, thiết bị chuyển động):

– Kiểm tra chi tiết chịu lực, chi tiết liên kết, bộ phận chuyển động của thiết bị.

– Vệ sinh thiết bị.

2. Công tác chăm sóc bồn cỏ gốc cây, cây xanh bóng mát bao gồm các hạng mục chủ yếu sau:

2.1. Chăm sóc bồn cỏ gốc cây.

2.2. Chăm sóc cây xanh bóng mát theo phân loại mới trồng, 1, 2 và 3.

2.3. Giải tỏa, cắt thấp, đốn hạ, bứng di dời cây xanh bóng mát.

2.4. Chăm sóc, bứng di dời cây kích thước nhỏ.

2.5. Vẽ mã số quản lý cây xanh bóng mát mới trồng và cây loại 1, 2, 3.

3. Công tác cải tạo, sửa chữa công viên, mảng xanh và trồng bổ sung, trồng thay thế cây bóng mát:

3.1. Cải tạo thảm cỏ, cây che phủ nền, cây trang trí và trồng bổ sung, trồng thay thế cây xanh bóng mát, bao gồm các công tác: cải tạo đất, trồng cỏ, cây che phủ nền, cây trang trí bị hư hại hoặc già cỗi với khối lượng cao hơn định mức cho phép; trồng thay thế cây xanh bóng mát sau khi đốn hạ, di dời, trồng bổ sung cây xanh bóng mát; bảo dưỡng sau khi trồng.

3.2. Sửa chữa hạ tầng; sửa chữa, thay thế, bổ sung thiết bị hệ thống tưới tự động và các thiết bị tiện ích khác (dụng cụ tập thể dục, trò chơi thiếu nhi...) trong công viên, mảng xanh.

4. Công tác khác: bao gồm tăng cường hoa kiểng tại các công viên, mảng xanh phục vụ Lễ, Tết; tái lập công viên, mảng xanh bị hư hại do tổ chức Lễ, Hội; cải tạo, chỉnh trang công viên, mảng xanh; cải tạo, chỉnh trang cây xanh bóng mát đường phố và trong công viên, mảng xanh; các công tác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, công tác phát sinh trong quá trình quản lý.

Chương VI

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC

Điều 17. Quản lý, vận hành công trình thoát nước

1. Công tác quản lý, vận hành công trình thoát nước bao gồm các công việc sau:

- 1.1. Quản lý hệ thống thoát nước mưa.
- 1.2. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải.
- 1.3. Quản lý bùn thải.

Nội dung thực hiện các công việc quản lý công trình thoát nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 25 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 8 năm 2014 về thoát nước và xử lý nước thải.

Trong quá trình thực hiện, các đơn vị quản lý và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải tuân thủ các quy định về quản lý bùn thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tại Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2015.

Điều 18. Bảo dưỡng thường xuyên công trình thoát nước

Công tác vận hành, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thoát nước bao gồm các hạng mục công tác chủ yếu như sau:

1. Vận hành, bảo dưỡng mạng lưới đường công thoát nước mưa, thoát nước thải, cống bao, kênh mương, hồ điều hòa

- 1.1. Nạo vét máng của hầm ga thu nước.
- 1.2. Nạo vét hầm ga và máng.
- 1.3. Nạo vét lòng cống và hầm ga, máng.
- 1.4. Nạo vét hầm ga và máng bằng xe hút bùn.
- 1.5. Nạo vét kênh mương.
- 1.6. Vớt rác trên mặt kênh mương.
- 1.7. Gia cố bờ rạch bằng cừ tràm.
- 1.8. Sửa chữa tường hầm ga.
- 1.9. Sửa chữa miệng thu nước hầm ga.
- 1.10. Nâng khuôn hầm ga.
- 1.11. Thay khuôn.
- 1.12. Thay nắp hầm ga.
- 1.13. Thay máng, lưới.

1.14. Lắp đặt lưới chắn rác.

1.15. Sửa chữa công bị sập.

1.16. Lắp đặt miệng thu nước.

2. Vận hành, bảo dưỡng hệ thống van ngăn triều

2.1. Tra dầu, nhớt tai van ngăn triều.

2.2. Vớt rác, nạo vét bùn đất trước cửa van.

2.3. Sửa chữa, thay thế van hư hỏng.

3. Vận hành, bảo dưỡng công kiểm soát triều

3.1. Kiểm tra mực nước thượng và hạ lưu, kiểm tra hệ thống điện, kiểm tra hệ thống thủy lực, vận hành động cơ điện và bơm thủy lực, vận hành.

3.2. Thau rửa, vớt rác kênh rạch (hồ điều tiết).

3.3. Bảo trì, bảo dưỡng tủ điện, động cơ, thiết bị cơ khí, hệ thống chiếu sáng và sensor.

3.4. Thay dầu định kỳ cho hệ thống thủy lực.

4. Vận hành, bảo dưỡng trạm bơm thoát nước

4.1. Kiểm tra mực nước thượng và hạ lưu, kiểm tra khu vực trạm bơm (bể hút, bể xả, hộp đấu nối), kiểm tra khu vực nhà điều khiển bơm, kiểm tra tủ đầu vào, tủ điều khiển và bàn điều khiển trung tâm, vận hành thiết bị máy bơm, vận hành tủ khởi động máy bơm, vận hành bàn điều khiển trung tâm, kiểm tra các thông số khi đang vận hành bơm.

4.2. Vớt rác tại hầm bơm.

4.3. Bảo trì, bảo dưỡng tủ điện, khung chắn rác, bơm, thiết bị cơ khí, hệ thống chiếu sáng và sensor.

4.4. Bảo dưỡng, sửa chữa máy bơm và thiết bị theo định kỳ (Sửa chữa nhỏ).

4.5. Sửa chữa, bảo dưỡng trạm bơm thoát nước (Sửa chữa lớn).

5. Vận hành, bảo dưỡng trạm, nhà máy xử lý nước thải

5.1. Kiểm tra hệ thống điện trước khi vận hành hệ thống.

5.2. Kiểm tra các van trước khi vận hành hệ thống.

5.3. Pha chế hóa chất.

5.4. Vận hành khởi động hệ thống xử lý.

5.5. Vận hành hệ thống.

5.6. Kiểm tra chất lượng nước thải.

5.7. Triển khai kế hoạch sửa chữa, bảo trì trạm xử lý nước thải.

5.8. Sửa chữa, bảo trì máy móc, thiết bị công nghệ tại trạm nhà máy xử lý nước thải.

5.9. Bảo trì các bể xử lý.

5.10. Sửa chữa đường ống công nghệ trong công trình xử lý nước thải.

Đối với hạng mục công tác thuộc công tác vận hành, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thoát nước chưa quy định trong Điều này thì áp dụng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Chương VII

QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 19. Quản lý công trình đường thủy nội địa

1. Tuần tra, kiểm tra thường xuyên hệ thống đường thủy

Khu Quản lý đường thủy nội địa trực tiếp giao nhiệm vụ cho các Trạm Quản lý đường thủy nội địa thuộc cơ cấu tổ chức bộ máy của mình thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra phát hiện và báo cáo kịp thời về những trường hợp sau đây:

1.1. Phát hiện sự thay đổi luồng lạch do thủy triều, sự cố luồng, bãi cạn, hố xói, công trình vượt sông, chướng ngại vật trên tuyến đường thủy nội địa ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường thủy, an toàn các công trình để báo cáo, kịp thời đề xuất xử lý.

1.2. Tổ chức điều tiết không chế đảm bảo giao thông khi cần thiết, đảm bảo an toàn, thông suốt.

1.3. Phát hiện sự xâm hại đến kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

1.4. Phát hiện những sự cố, hư hỏng, xuống cấp đối với hệ thống báo hiệu, kè

bờ được phân cấp quản lý; xác định mức độ hư hại (nếu có) đề xuất xử lý.

1.5. Đo mực nước và đếm lưu lượng vận tải lưu thông trên tuyến.

1.6. Quan hệ với địa phương để phối hợp bảo vệ công trình đường thủy nội địa và các công việc khác.

2. Cập nhật sau khi tuần tra; báo cáo, đánh giá, đề xuất hướng xử lý

Hàng tuần, hàng tháng (hoặc đột xuất), các Trạm Quản lý đường thủy nội địa thực hiện tuần tra phải thực hiện:

2.1. Cập nhật, thống kê số liệu về các diễn biến thay đổi luồng, sự cố, hư hỏng đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn được giao quản lý;

2.2. Báo cáo, đánh giá, đề xuất hướng xử lý cho lãnh đạo Khu Quản lý đường thủy nội địa đối với các diễn biến thay đổi luồng, sự cố, hư hỏng đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa

Điều 20. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa

1. Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống báo hiệu

1.1. Thả phao.

1.2. Điều chỉnh phao.

1.3. Chống bồi rùa.

1.4. Trục phao.

1.5. Bảo dưỡng phao, xích.

1.6. Bảo dưỡng cột, biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật.

1.7. Sơn màu: Phao, cột và biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật.

1.8. Chỉnh cột báo hiệu.

1.9. Dịch chuyển cột báo hiệu.

2. Bảo dưỡng thường xuyên ánh sáng đèn hiệu

2.1. Thay đèn.

2.2. Thay thế ắc quy chuyên dùng đèn năng lượng theo niên hạn sử dụng (tuổi thọ ắc quy).

- 2.3. Thay thế đèn theo niên hạn sử dụng.
- 2.4. Kiểm tra vệ sinh đèn năng lượng mặt trời.
- 2.5. Sửa chữa nhỏ, thay thế các linh phụ kiện bị hỏng của đèn.
3. Phát quang cây cối
 - 3.1. Phát quang cây cối che chắn tầm nhìn của báo hiệu.
 - 3.2. Phát quang cây cối mọc trên mái kè, chân khay làm hư hỏng kết cấu.
4. Sửa chữa nhỏ báo hiệu

Sửa chữa, khắc phục những hư hỏng nhỏ của báo hiệu trong năm sử dụng nhằm khôi phục lại năng lực làm việc của báo hiệu theo tiêu chuẩn ban đầu gồm: hàn, và những chỗ bị han gỉ nặng và thay thế chi tiết đã hỏng. Việc sửa chữa báo hiệu kết hợp bảo dưỡng định kỳ.

5. Duy tu sửa chữa kết cấu kè.
6. Duy tu luồng sông, kênh, rạch được phân cấp quản lý
 - 6.1. Thanh thải chướng ngại vật trên luồng không xác định được chủ sở hữu.
 - 6.2. Nạo vét luồng cạn, bãi cạn.
 - 6.3. Lấp hố xói.

Chương VIII

QUẢN LÝ KHỐI LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG

Điều 21. Khối lượng thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình

1. Khối lượng thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình hàng năm được xác định theo các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này là cơ sở để lập kế hoạch công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình hàng năm.

2. Đối với công tác khắc phục sự cố công trình, khắc phục hậu quả bão, lũ, các đơn vị quản lý phải triển khai thực hiện thi công ngay để bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ kết cấu công trình theo hình thức vừa thiết kế vừa thi công, nhưng vẫn phải lập đầy đủ các hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý chất lượng công trình theo đúng quy

định hiện hành.

Điều 22. Nghiệm thu công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình

1. Công tác nội nghiệp

Căn cứ theo các yêu cầu về công tác lưu giữ và cập nhật số liệu trong hồ sơ, tài liệu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình.

2. Tại hiện trường

2.1. Kiểm tra và nghiệm thu toàn bộ các công trình có thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên.

2.2. Kiểm tra và nghiệm thu từng công trình để đánh giá tổng quát các mục tiêu theo yêu cầu.

3. Đối với công tác quản lý, vận hành công trình: Nghiệm thu trên cơ sở chất lượng thực hiện, theo tiêu chí "Đạt" hoặc "Không đạt".

4. Đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình: Nghiệm thu theo một trong hai hình thức như sau:

– Nghiệm thu trên cơ sở chất lượng thực hiện, theo tiêu chí "Đạt" hoặc "Không đạt"; hoặc

– Nghiệm thu theo hình thức thực thanh, thực chi.

Khuyến khích các đơn vị quản lý nghiệm thu theo hình thức trên cơ sở chất lượng thực hiện.

5. Giao Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị quản lý thực hiện nghiệm thu công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình trên cơ sở chất lượng thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố Hồ Chí Minh.

Chương IX

**ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG, AN TOÀN LAO ĐỘNG
VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**

Điều 23. Đảm bảo an toàn giao thông

1. Trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình phải

tuyệt đối đảm bảo an toàn cho người trực tiếp thi công, người tham gia giao thông và các phương tiện lưu thông bên ngoài khu vực thi công.

2. Yêu cầu về công tác đảm bảo an toàn giao thông

2.1. Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông phải tuân thủ theo đúng quy định về thi công trên đường bộ đang khai thác và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2.2. Phải lắp đặt đầy đủ các biển báo hiệu, sơn đường, đèn báo hiệu, lắp dựng rào chắn; tổ chức hướng dẫn, điều tiết, phân luồng giao thông... theo đúng quy định về thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Riêng đối với các tuyến đường có mật độ giao thông cao, các tuyến Quốc lộ, phải có đèn báo hiệu kể cả khi thi công vào ban ngày.

2.3. Các dụng cụ, thiết bị phục vụ công tác bảo dưỡng công trình chỉ được phép đặt và di chuyển trong phạm vi đã rào chắn.

2.4. Cán bộ, công nhân làm việc tại hiện trường phải mặc quần áo bảo hộ lao động có phản quang.

2.5. Khi cần bố trí người điều khiển giao thông thì người điều khiển giao thông phải được trang bị trang phục bảo hộ, đầy đủ cờ, còi, phù hiệu.

Điều 24. Đảm bảo an toàn lao động

Khi thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình phải thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn lao động theo các quy định về đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công công trình.

Điều 25. Bảo vệ môi trường

1. Trong quá trình bảo dưỡng thường xuyên công trình cần tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường.

2. Khi tiến hành các hoạt động bảo dưỡng thường xuyên công trình phải thực hiện tốt các quy tắc trật tự vệ sinh, an toàn, không gây ô nhiễm môi trường nước, không khí... Các phương tiện vận chuyển vật liệu phải được che chắn, không để rơi vãi trên đường.

3. Tuyệt đối không đun nhựa trên đường và phải dùng thiết bị chuyên dụng để làm nóng nhựa đường.

4. Giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của tiếng ồn, khói xả do xe máy thi công gây ra trong quá trình bảo dưỡng thường xuyên đường bộ tại các khu dân cư bằng cách bố trí thời gian thi công hợp lý.

5. Khi kết thúc công việc bảo dưỡng thường xuyên phải thu dọn gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ mặt bằng trong phạm vi thi công.

Chương X

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các công trình cấp đặc biệt, công trình có kết cấu đặc thù riêng như: cầu dây văng, cầu treo dây võng, cầu vòm, cầu vượt đường bộ bằng thép, cầu dầm hộp bê tông cốt thép dự ứng lực liên tục; các cầu đã được tăng cường sửa chữa bằng công nghệ dự ứng lực ngoài (như cầu Bình Phước 1, cầu Sài Gòn 1, cầu Tân Thuận 1, cầu Chữ Y), trong khi chờ lập và phê duyệt quy trình bảo trì riêng theo quy định thì được phép áp dụng các nội dung công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên theo Quy định này.

2. Đối với các công trình có quy trình bảo trì riêng thì tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy trình bảo trì đã được phê duyệt.

3. Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy trình bảo trì các công trình cần phải lập quy trình bảo trì riêng theo đúng quy định. Riêng đối với các công trình cấp đặc biệt, giao Sở Giao thông vận tải tổ chức thẩm định quy trình quản lý, vận hành, bảo trì công trình trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

4. Trường hợp sửa chữa công trình, bổ sung, thay thế thiết bị có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên thì đơn vị quản lý tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình (như đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản).

5. Đối với các công trình đường bộ đang khai thác nhưng đã được bàn giao mặt bằng để thực hiện các dự án sửa chữa định kỳ, nâng cấp, cải tạo: Trong khi chờ hoàn tất các thủ tục pháp lý để đưa công trình vào khai thác sử dụng (hoặc đang trong thời gian bảo hành), Sở Giao thông vận tải căn cứ vào tình hình thực tế và các nội dung

quy định tại Quy định này để thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên cho phù hợp nhằm bảo đảm an toàn giao thông.

6. Đối với công tác kiểm tra định kỳ, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình các đơn vị quản lý phải tổ chức lập đề cương - dự toán trình Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

7. Trường hợp trong quá trình thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng thường xuyên công trình có phát sinh các hạng mục công việc không có trong quy định này thì áp dụng theo các Tiêu chuẩn kỹ thuật, các Bộ định mức hiện hành có liên quan. Giao Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị quản lý thống nhất áp dụng đối với trường hợp này theo đúng quy định.

8. Riêng đối với lĩnh vực quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng công viên, cây xanh, giao Sở Giao thông vận tải tiếp tục hoàn chỉnh các nội dung về quản lý không gian xanh và cây xanh theo cấp độ; trong quá trình xây dựng nếu có thay đổi về định ngạch so với nội dung tại Quy định này, giao Sở Giao thông vận tải chủ động xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Khoa

PHỤ LỤC 1
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý

TT	Hạng mục	Định ngạch
1	Tuần tra đường bộ	Hàng ngày
2	Đảm bảo trật tự an toàn giao thông	Hàng ngày
3	Đăng ký đường	Từ 10-15 năm đăng ký 01 lần

Ghi chú: Đối với hạng mục đăng ký đường, các đơn vị quản lý phải lập đề cương, dự toán trình Sở Giao thông vận tải thông qua trước khi triển khai thực hiện.

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch		
			Mặt đường BTN	Mặt đường đá dăm nhựa	Mặt đường BTXM
1	Đắp phụ nền, lè đường	m ³ /km/năm	30	30	30
2	Bạt lè đường.	m ³ /km/năm	2	2	2
3	Cắt cỏ bằng máy.	lần/năm	8	8	8
4	Phát quang cây cỏ bằng thủ công	lần/năm	8	8	8
5	Vét rãnh hỏ, mương hỏ, hào kỹ thuật	lần/năm	8	8	8
6	Vệ sinh mặt đường	lần/tháng	4 đến 8	4 đến 8	4 đến 8
7	Đếm xe	lần/trạm/tháng	1	1	1
8	Láng nhựa mặt đường rạn chân chim, mặt đường bong tróc	m ² /km/năm	250	250	
9	Xử lý cao su, sinh lún	m ² /km/năm	45	45	
10	Vá ổ gà, cóc gặm, lún cục bộ, lún trời mặt đường	m ² /km/năm	100	100	
11	Cào bóc, thảm mặt đường bê tông nhựa	m ² /km/năm	1000	1000	
12	Sửa chữa khe nứt mặt đường	m ² /km/năm	1000	1000	100
13	Bảo dưỡng khe co giãn mặt đường bê tông xi măng	m/km/năm			20
14	Sửa chữa nứt nhỏ mặt đường bê	m/km/năm			10

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch		
			Mặt đường BTN	Mặt đường đá dăm nhựa	Mặt đường BTXM
	tông xi măng				
15	Sơn biển báo, cột biển báo, dải phân cách, tôn lượn sóng, cọc tiêu, cọc H, cọc Km, mốc lộ giới	% tổng diện tích/năm	30	30	30
16	Nắn chỉnh, tu sửa biển báo, cột biển báo, dải phân cách, cọc tiêu, cọc mốc lộ giới, cọc H, cọc Km.	% tổng số lượng/năm	5	5	5
17	Thay thế, bổ sung biển báo, cột biển báo, dải phân cách, cọc tiêu, cọc mốc lộ giới, cọc H, cọc Km.	% tổng số lượng/năm	1	1	1
18	Dán lại lớp phản quang biển báo, cột Km, dải phân cách có dán phản quang	% tổng diện tích/năm	10	10	10
19	Sơn dặm, sơn bổ sung vạch kẻ đường; xóa vạch kẻ đường	% tổng diện tích/năm	50	50	50
20	Thay thế tôn lượn sóng	% tổng chiều dài hoặc số tấm/năm	1	1	1
21	Vệ sinh dải phân cách, mặt biển báo phản quang, tường phòng hộ, tôn lượn sóng	lần/năm	12 đến 24	12 đến 24	12 đến 24
22	Vệ sinh vạch sơn đường	lần/tháng	2	2	2
23	Nắn sửa, vệ sinh trụ đèn	lần/năm	4	4	4
24	Thay thế trụ đèn	% tổng số trụ/năm	2	2	2
25	Vệ sinh mắt phản quang	lần/năm	4	4	4
26	Thay thế mắt phản quang	% tổng số lượng/năm	1	1	1

Ghi chú: Khối lượng công tác bảo dưỡng có số thứ tự 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 ở trên là khối lượng tính cho đường có bề rộng mặt đường 7,0m và đường mới đưa vào khai thác sử dụng. Đối với các loại đường khác, căn cứ vào bề rộng mặt đường, thời gian khai thác và lưu lượng phương tiện giao thông, lấy hệ số điều chỉnh tại các bảng sau:

Bảng 1: Hệ số điều chỉnh theo bề rộng mặt đường

TT	Loại mặt đường	Mặt đường tính toán		Mặt đường cần điều chỉnh	
		Bề rộng (m)	Hệ số	Bề rộng (m)	Hệ số
1	Bê tông nhựa	7,0	1	6,0	0,97

TT	Loại mặt đường	Mặt đường tính toán		Mặt đường cần điều chỉnh	
		Bề rộng (m)	Hệ số	Bề rộng (m)	Hệ số
2	Bê tông xi măng	7,0	1	6,0	0,98
3	Đá dăm nhựa	7,0	1	6,0	0,92

(Đối với mặt đường có bề rộng khác thì dùng phương pháp nội hoặc ngoại suy).

Bảng 2: Hệ số điều chỉnh theo thời gian khai thác công trình

TT	Loại mặt đường	1-3 năm	4-6 năm	7-9 năm	Trên 9 năm
		Tốt	Vừa	Xấu	Rất xấu
1	Bê tông nhựa 2 lớp	0,55 - 0,63	0,67 - 0,75	1,0	1,2
2	Bê tông nhựa 1 lớp	0,57 - 0,69	0,75 - 0,88	1,2	1,4
3	Bê tông xi măng	0,53 - 0,58	0,60 - 0,65	0,8	1,0
4	Đá dăm nhựa	0,58 - 0,72	0,79 - 0,93	1,3	1,5

Ghi chú: Căn cứ vào loại kết cấu mặt đường, các hệ số được xác định như sau:

- Đối với đường có hệ thống thoát nước hoặc có khả năng thoát nước tự nhiên, lấy hệ số cận dưới.
- Đối với đường có tình trạng ngập nước do triều cường, lấy hệ số trung bình của hệ số cận dưới và cận trên.
- Đối với đường không có hệ thống thoát nước mà không có khả năng thoát nước tự nhiên, lấy hệ số cận trên.

Bảng 3: Hệ số điều chỉnh theo lưu lượng giao thông

TT	Loại đường	Hệ số
1	Đường Quốc lộ	1,6
2	Đường trục chính có lưu lượng giao thông lớn	1,3
3	Đường thuộc khu vực trung tâm	1,1

Bảng 4: Thời hạn sửa chữa định kỳ công trình đường bộ

TT	Loại kết cấu mặt đường	Thời hạn sửa chữa vừa (năm)	Thời hạn sửa chữa lớn (năm)
1	Bê tông nhựa	5	12
2	Bê tông xi măng	8	24

3	Đá dăm trộn nhựa, đá dăm đen	3	9
4	Thấm nhập nhựa; láng nhựa 2, 3 lớp	3	6

Ghi chú:

- *Sửa chữa vừa* là sửa chữa những hư hỏng, khắc phục những biểu hiện xuống cấp của bộ phận, kết cấu công trình có thể ảnh hưởng đến chất lượng khai thác đường bộ và gây mất an toàn khai thác.
- *Sửa chữa lớn* là công việc sửa chữa tiến hành khi có hư hỏng hoặc xuống cấp ở nhiều bộ phận công trình nhằm khôi phục chất lượng ban đầu của công trình.

PHỤ LỤC 2
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH
CẦU ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý

TT	Hạng mục	Định ngạch
1	Tuần tra cầu	Hàng ngày
2	Kiểm tra cầu	01 lần/tháng
3	Cập nhật tình trạng kỹ thuật của cầu và quản lý hồ sơ trên máy vi tính	01 lần/tháng
4	Đăng ký cầu	Từ 10-15 năm đăng ký 1 lần

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
1	Sửa chữa, thay thế lan can cầu bằng bê tông	% tổng chiều dài lan can/năm	1
2	Sơn lan can cầu, dầm cầu, mô trụ cầu, các cấu kiện thép	% tổng diện tích/năm	30
3	Sửa chữa hư hỏng cục bộ 1/4 nón mô cầu	m ³ /cầu/năm	0,4
4	Bôi mỡ gói cầu thép	lần/năm	2
5	Vệ sinh mặt cầu, khe co giãn, ống thoát nước	lần/tháng	4 đến 8
6	Thay thế ống thoát nước	% tổng chiều dài ống/năm	1
7	Sửa chữa, thay thế khe co giãn thép	% tổng chiều dài khe co giãn/năm	2
8	Sửa chữa, thay thế khe co giãn cao su, khe co giãn cao su bản thép	% tổng chiều dài khe co giãn/năm	20
9	Vệ sinh mô cầu, lan can cầu	lần/năm	4 đến 8
10	Vệ sinh trụ cầu	lần/năm	1

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
11	Vá ổ gà, bong bật, sửa chữa lún, trôi mặt cầu	% tổng diện tích mặt cầu/năm	3
12	Vệ sinh hai đầu dầm các nhịp của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép, nút liên kết dầm - giàn của cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép	lần/năm	2
13	Sơn cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép	m ² /mdài cầu/năm	0,3
14	Kiểm tra bắt xiết bu lông cầu thép, dàn thép, cầu liên hợp thép - bê tông cốt thép	lần/năm	2
15	Phát quang cây cỏ	lần/năm	6
16	Bảo dưỡng công trình phòng hộ (kè hướng dòng);	lần/năm	6
17	Thanh thải dòng chảy dưới cầu	lần/năm	12
18	Vệ sinh lan can cầu	lần/năm	2
19	Trục gác cầu, hầm đường bộ, trạm bơm	-	Hàng ngày
20	Kiểm tra trước và sau mùa mưa bão	lần/năm	2
21	Kiểm tra định kỳ	lần/2năm	1
22	Đo dao động - biến dạng	lần/năm	1
23	Kiểm định, thử tải	-	Theo chu kỳ

3. Chu kỳ kiểm định, thử tải cầu

TT	Loại kết cấu	Cầu đưa vào khai thác sử dụng dưới 20 năm	Cầu đưa vào khai thác sử dụng từ 20 năm trở lên
1	Cầu bê tông cốt thép dự ứng lực	10	7
2	Cầu bê tông cốt thép thường	8	5
3	Cầu dầm thép	6	4
4	Cầu dầm thép-bê tông liên hợp	6	4

TT	Loại kết cấu	Cầu đưa vào khai thác sử dụng dưới 20 năm	Cầu đưa vào khai thác sử dụng từ 20 năm trở lên
5	Cầu dầm bản bê tông cốt thép	6	4
6	Cầu vòm	4	4
7	Cầu dàn thép	4	3
8	Các loại cầu khác	4	3

Ghi chú: Trường hợp trong quá trình khai thác, sử dụng xuất hiện các yếu tố làm tăng nguy cơ mất an toàn giao thông, ảnh hưởng đến điều kiện khai thác bình thường của công trình, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm đánh giá tình hình để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm định, thử tải đột xuất nhằm kiểm tra khả năng đáp ứng về điều kiện khai thác của công trình cầu.

PHỤ LỤC 3
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN
ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý, vận hành

TT	Hạng mục	Định ngạch
I	Quản lý vận hành đèn tín hiệu giao thông (xanh - vàng - đỏ) (tính cho 1 tủ)	
1	Tiếp nhận thông tin sửa chữa	Hàng ngày
2	Kiểm tra đo thông số định kỳ hệ thống đèn	1 lần/năm
3	Ghi chép hoạt động của mỗi nút (chốt)	Hàng ngày
II	Quản lý vận hành hệ đèn tín hiệu giao thông (đèn chớp vàng) (tính cho 1 tủ)	
1	Tiếp nhận thông tin sửa chữa	Hàng ngày
2	Kiểm tra đo thông số định kỳ hệ thống đèn	1 lần/năm
3	Ghi chép hoạt động của mỗi nút (chốt)	Hàng ngày

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch (tuổi thọ)
	Hệ thống tín hiệu giao thông		
1	Bo nguồn, bo điều khiển, bo đèn các loại	Năm	10
2	Bộ nguồn, biến áp, bộ chuyển đổi điện áp, bộ điều khiển sạc	Năm	5
3	Kính đèn THGT (nhựa, mica)	Năm	3
4	Bóng đèn LED các loại	Năm	3
5	Vỏ đèn THGT các loại bằng nhựa	Năm	2
6	Vỏ đèn THGT các loại bằng kim loại	Năm	5
7	Bình ắc quy	Năm	5
8	Bộ chuyển đổi quang điện, thiết bị đầu cuối ADSL, bộ chống sét	Năm	10

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch (tuổi thọ)
9	Card điều khiển trung tâm, card nguồn, card công suất, card điều khiển hiển thị, card giải mã, bo chuyển đổi tín hiệu các loại	Năm	3
10	Bộ điều khiển lập trình PLC 2P, 3P	Năm	3
11	Bộ ruột điều khiển THGT (sử dụng PLC)	Năm	3
12	Bộ ruột điều khiển THGT (sử dụng vi xử lý)	Năm	3
13	Cáp quang, cáp mạng, cáp video	Năm	5
14	Đèn báo các loại	Năm	5
15	Bộ đèn, mặt đèn LED THGT các loại	Năm	3
16	Măng sòng quang	Năm	3
17	Nút nhấn cho người đi bộ, công tắc xoay	Năm	3
18	Bảng năng lượng mặt trời	Năm	5
19	Hộp ODF	Năm	2
20	Rơ le các loại	Năm	5
21	Vỏ tủ điều khiển các loại	Năm	3
22	Trụ đèn các loại	Năm	3

PHỤ LỤC 4
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN
CAMERA QUAN SÁT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý, vận hành

TT	Hạng mục	Định ngạch
1	Đóng, ngắt, kiểm tra lưới điện, thiết bị camera, tủ, cáp	Hàng ngày
2	Giám sát giao thông và điều khiển camera.	Hàng ngày
3	Lưu trữ dữ liệu hình ảnh các sự cố giao thông.	Hàng ngày
4	Giám sát tình trạng kết nối của camera.	Hàng ngày
5	Tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động của mỗi tủ điều khiển camera.	Hàng ngày
6	Kiểm tra thông số kỹ thuật định kỳ hệ thống camera.	1 lần/năm

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định ngạch
1	Vệ sinh định kỳ camera.	Lần/quý	1
2	Vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị tủ điều khiển (bộ chuyển đổi quang/điện, bộ nguồn cấp camera, switch,...).	Lần/quý	1
3	Kiểm tra thiết bị lọc sét, kiểm tra điểm nối đất với thiết bị lọc sét.	Lần/năm	0,5
4	Kính bảo vệ	năm	3
5	Thấu kính	năm	4
6	Mô tơ quay quét	năm	4
7	Bộ chuyển đổi quang /điện, điện/ quang	năm	3
8	Bộ nguồn POE	năm	3

9	Giá đỡ camera	năm	3
10	Trụ gắn camera các loại	năm	10
11	Vỏ tủ điều khiển	năm	3

PHỤ LỤC 5
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN
BẢNG THÔNG TIN GIAO THÔNG ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý, vận hành:

TT	Hạng mục	Định ngạch
1	Đóng, ngắt, kiểm tra lưới điện, thiết bị bảng thông tin giao thông điện tử, tủ, cáp	Hàng ngày
2	Khởi động từ xa bằng phần mềm điều khiển.	Hàng ngày
3	Kiểm tra tình trạng kết nối.	Hàng ngày
4	Giám sát trạng thái kết nối của bảng: trạng thái kết nối vào mạng.	Hàng ngày
5	Thực hiện chức năng quét bảng: kiểm tra tình trạng hoạt động của Led.	Hàng ngày
6	Tuần tra, kiểm tra, ghi chép hoạt động bảng thông tin giao thông điện tử về tình hình hoạt động của hệ thống.	Hàng ngày
7	Kiểm tra, ghi nhận và xử lý các sự cố: mất nét, chong tin, mất kết nối....	Hàng ngày
8	Kiểm tra kín nước phía trước, phía sau bảng thông tin giao thông điện tử.	01 lần/tuần
9	Kiểm tra an toàn cơ học, các mối nối, bu long lắp đặt khung cabin và tay vịn...	01 lần/quý
10	Kiểm tra kết cấu trụ, khe hở giữa các cabin.	01 lần/quý

3. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
1	Vệ sinh bảng thông tin điện tử định kỳ.	Lần/năm	1
2	Đo cách điện, nối đất.	Lần/năm	1
3	Kiểm tra độ sáng, độ đồng màu, quạt làm mát từng cabin, độ lệch về vị trí hiển thị và dữ liệu hiển thị.	Lần/năm	1
4	Kiểm tra điện áp AC và DC, công suất tiêu thụ.	Lần/năm	1

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
5	Kiểm tra thiết bị lọc sét, kiểm tra điểm nối đất với thiết bị lọc sét.	Lần/năm	1
6	Thay thế các thiết bị tủ điều khiển (RCBO, RCCB, CB...).	Cái	2
7	Kiểm tra dữ liệu phát ra từ CPU: đúng dữ liệu, đúng địa chỉ, đúng màu từ dữ liệu mã hóa từ Trung tâm.	Lần/tháng	1
8	Modul Led	năm (tuổi thọ)	5
9	Quạt giải nhiệt	năm (tuổi thọ)	3
10	Bộ chuyển đổi quang /điện, điện/ quang	năm (tuổi thọ)	3
11	Bộ nguồn	năm (tuổi thọ)	3
12	Trụ tay vươn lắp đặt bảng thông tin điện tử	năm (tuổi thọ)	10
13	Vỏ tủ điều khiển	năm (tuổi thọ)	3

PHỤ LỤC 6
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN
CÔNG TRÌNH CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý, vận hành

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
1	Duy trì trạm đèn (tính cho 1 trạm đèn)	Ngày/tuần	6
2	Vệ sinh bảo dưỡng thiết bị điện, kiểm tra tín hiệu trực máy	Lần/Tháng	1
3	Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, đèn tối	Ngày/tuần	6
4	Đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện	Lần/Tháng	1
5	Kiến nghị sửa chữa thay thế	Ngày/tuần	6

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch (tuổi thọ)
1	Bộ đèn Led	Giờ	50.000
2	Bóng đèn Sodium cao áp (HPS)	Giờ	12.000
3	Ballast đèn HPS	Giờ	12.000
4	Ballast đèn TNCA	Giờ	6.000
5	Chóa đèn HPS	Năm	10
6	Tụ điện	Giờ	12.000
7	Trụ beton	Năm	50
8	Trụ sắt, trụ thép nhúng kẽm nóng	Năm	10
9	Dây điện bọc các loại	Năm	10
10	Cầu dao điện các loại	Năm	2
11	Khởi động từ và cầu dao tự động	Năm	5
12	Tế bào quang điện	Giờ	6.000
13	Đồng hồ hẹn giờ	Giờ	10.000
14	Bộ bảo vệ điện áp	Giờ	10.000

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch (tuổi thọ)
1	Bộ đèn Led	Giờ	50.000
15	Tủ điện các loại	Năm	5
16	Cần đèn	Năm	10
17	Bảo dưỡng chóa đèn	Lần/năm	1
18	Bảo dưỡng mô tơ, tời cáp, puli của kết cấu nâng hạ giàn đèn	Lần/năm	2
19	Sơn cột đèn sắt	Lần/năm	1
20	Sơn đánh số trụ	Lần/năm	1
21	Vỏ đèn các loại bằng kim loại	Năm	10
22	Bộ điều khiển lập trình PLC 10I/O	Năm	10
23	Cáp thép	Năm	5
24	Hộp nhựa các loại	Năm	5
25	Hộp nối cáp kín nước	Năm	2
26	Ống bảo vệ cáp nổi (PVC, HDPE)	Năm	3
27	Ống bảo vệ cáp ngầm (PVC, HDPE)	Năm	10
28	MCCB, RCCB, RCBO	Năm	10
29	Vỏ tủ điều khiển chiếu sáng	Năm	3
30	UDC, UCL, MIC	Năm	5
31	ITD, DCM, UTR, DCP, DFM40T-E(DFLT)	Năm	5

PHỤ LỤC 7
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, CHĂM SÓC VÀ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN
CÔNG VIÊN, MẢNG XANH, CÂY XANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Công tác quản lý, chăm sóc và bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh được thực hiện theo các cấp độ quản lý. Cấp độ quản lý công viên, mảng xanh được Sở Giao thông vận tải quyết định, gồm 4 cấp như sau:

- Cấp 1: không gian xanh cao cấp (KGXCC).
- Cấp 2: không gian xanh mỹ quan (KGXMQ).
- Cấp 3: không gian xanh thân thiện (KGXTT).
- Cấp 4: không gian xanh tự nhiên (KGXTN).

Công tác quản lý, chăm sóc và bảo dưỡng thường xuyên cây xanh bóng mát được thực hiện theo các cấp độ quản lý. Cấp độ quản lý cây xanh bóng mát được Sở Giao thông vận tải quyết định, gồm 5 cấp như sau:

- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 1 (Đường phố trọng điểm).
- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 2 (Đường phố đông dân cư hoặc mật độ lưu thông cao).
- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 3 (Đường phố thưa dân cư và mật độ lưu thông thấp).
- Cây xanh bóng mát trong công viên, mảng xanh công cộng có người dân sinh hoạt.
- Cây xanh bóng mát trong mảng xanh khu vực cách ly, đất dự trữ giao thông.

I. Khối lượng công tác quản lý:

1. Công tác quản lý công viên, mảng xanh:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch			
			Cấp 1 KGXCC	Cấp 2 KGXMQ	Cấp 3 KGXTT	Cấp 4 KGXTN
1	Bảo vệ công viên, mảng xanh	ngày/ năm	365	365	365	365
<i>(Bố trí lực lượng bảo vệ theo thực tế và yêu cầu)</i>						

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch			
			Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4
			KGXCC	KGXMQ	KGXTT	KGXTN
<i>cầu của công tác quản lý)</i>						
2	Quản lý hồ sơ công viên, mảng xanh: theo dõi, cập nhật số liệu, bản vẽ về công viên, mảng xanh và lập báo cáo thay đổi	lần/năm	12	12	12	12

2. Công tác quản lý cây xanh bóng mát (gồm cả bồn cỏ gốc cây)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Định ngạch
1	Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát, bồn cỏ gốc cây.		
	- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 1	lần/năm	365
	- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 2	lần/năm	365
	- Cây xanh bóng mát đường phố cấp 3	lần/năm	365
	- Cây xanh bóng mát trong công viên, mảng xanh công cộng có người dân sinh hoạt	lần/năm	52
	- Cây xanh bóng mát trong mảng xanh khu vực cách ly, đất dự trữ giao thông.	lần/năm	4
2	Quản lý hồ sơ cây xanh bóng mát: theo dõi, cập nhật và lập báo cáo thống kê các thay đổi đối với khối lượng, chủng loại, phân loại cây xanh bóng mát trên địa bàn quản lý	lần/năm	12

II. Khối lượng công tác chăm sóc, bảo dưỡng

1. Chăm sóc thảm cỏ và cây che phủ nền, hoa ngắn ngày, kiểng có hoa, kiểng lá, cây trở hoa, cây dáng đẹp, cây tạo hình, cây cắt xén, cây kiểng trồng chậu, cây leo, cây thủy sinh.

Công tác chăm sóc theo 4 mức độ được áp dụng tương ứng cho 4 cấp độ quản lý công viên, mảng xanh công cộng như sau:

TT	Cấp độ quản lý	Mức độ chăm sóc (chủ yếu)
1	Cấp 1 - Không gian xanh cao cấp	Mức độ 1 - chăm sóc đặc biệt
2	Cấp 2 - Không gian xanh mỹ quan	Mức độ 2 - chăm sóc tỉ mỉ
3	Cấp 3 - Không gian xanh thân thiện	Mức độ 3 - chăm sóc duy trì
4	Cấp 4 - Không gian xanh tự nhiên	Mức độ 4 - chăm sóc tự nhiên

Cụ thể về các mức độ chăm sóc như sau:

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)			
			Mức độ 1 CS đặc biệt	Mức độ 2 CS tỉ mỉ	Mức độ 3 CS duy trì	Mức độ 4 CS tự nhiên
1	Chăm sóc thảm cỏ và cây che phủ nền					
1.1	Thảm cỏ					Cỏ tự nhiên
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	30
	Phát thảm cỏ	lần/năm	12	10	8	4
	Làm cỏ tạp, cây dại	lần/năm	12	10	4	Không
	Xén lề cỏ	lần/năm	12	10	Không	Không
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	2	2	1	Không
	Bón phân vô cơ	lần/năm	2	2	1	Không
	Phòng trừ sùng cỏ	lần/năm	2	2	2	Không
	Trồng dặm (<i>tỷ lệ theo diện tích thảm cỏ</i>)	%/năm	12	10	5	Không
1.2	Cây che phủ nền					
	Tưới nước	lần/năm		140	100	
	Phát thảm cây che phủ	lần/năm		6	4	
	Làm cỏ tạp, cây dại	lần/năm		6	4	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm		1	1	
	Trồng dặm (<i>tỷ lệ theo diện tích cây che phủ</i>)	%/năm		10	Không	
2	Chăm sóc cây trang trí					
2.1	Hoa (ngắn ngày)					
	Thay hoa	lần/năm	12	10		
	Tưới nước	lần/năm	200	190		
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	12	10		

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)			
			Mức độ 1 CS đặc biệt	Mức độ 2 CS tỉ mỉ	Mức độ 3 CS duy trì	Mức độ 4 CS tự nhiên
	Bấm tỉa hoa tàn, lá vàng	lần/năm	104	52		
	Nhỏ cỏ dại, xới phá váng	lần/năm	12	8		
2.2	Kiểm có hoa					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật	lần/năm	8	6	4	
	Bấm tỉa hoa tàn, lá vàng	lần/năm	104	52	0	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	4	4	2	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	6	4	2	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	8	6	2	
	Nhỏ cỏ dại, xới phá váng	lần/năm	12	10	8	
	Thay kiểng có hoa	lần/năm	4	2	Khi cần	
	Trồng dặm (<i>tỷ lệ theo diện tích kiểng có hoa không thực hiện công tác thay kiểng</i>)	%/năm	20	15	10	
2.3	Kiểm lá					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật	lần/năm	8	6	3	
	Bấm tỉa lá vàng, lá gãy dập	lần/năm	104	52	0	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	3	2	2	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	4	3	2	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	6	4	2	
	Nhỏ cỏ dại, xới phá váng	lần/năm	12	10	8	
	Trồng dặm (<i>tỷ lệ theo diện tích kiểng lá</i>)	%/năm	20	15	10	
2.4	Cây trở hoa					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật	lần/năm	12	8	6	

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)			
			Mức độ 1 CS đặc biệt	Mức độ 2 CS tỉ mỉ	Mức độ 3 CS duy trì	Mức độ 4 CS tự nhiên
	thuật					
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	4	2	1	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	4	2	1	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	8	6	4	
	Nhổ cỏ, xới đất quanh gốc	lần/năm	12	12	6	
	Trồng thay thế		Khi cần (tùy theo bố cục cảnh quan)			
2.5	Cây dáng đẹp					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật	lần/năm	12	6	6	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	4	2	1	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	4	2	1	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	8	6	2	
	Nhổ cỏ, xới đất quanh gốc	lần/năm	12	12	6	
	Trồng thay thế		Khi cần (tùy theo bố cục cảnh quan)			
2.6	Cây tạo hình					
	Tưới nước	lần/năm	190	170		
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật	lần/năm	12	12		
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	4	3		
	Bón phân vô cơ	lần/năm	4	3		
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	6	4		
	Nhổ cỏ, xới đất quanh gốc	lần/năm	12	12		
	Trồng thay thế		Khi cần (tùy theo bố cục cảnh quan)			
2.7	Cây kiểng trồng chậu					
	Tưới nước	lần/năm	200	190		
	Cắt tỉa theo yêu cầu kỹ thuật					

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)			
			Mức độ 1 CS đặc biệt	Mức độ 2 CS tỉ mỉ	Mức độ 3 CS duy trì	Mức độ 4 CS tự nhiên
	- Đối với cây trồng hoa	lần/năm	12	8		
	- Đối với cây dáng đẹp	lần/năm	12	6		
	- Đối với cây tạo hình	lần/năm	12	12		
	Bón phân	lần/năm	4	3		
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	8	6		
	Nhổ cỏ, xới phá váng	lần/năm	12	12		
	Thay đất, phân chậu cây	lần/năm	01	01		
	Trồng thay thế		Khi cần (tùy theo bố cục cảnh quan)			
2.8	Cây cắt xén					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt xén các mặt	lần/năm	12	8	6	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	4	2	1	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	2	1	1	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	6	4	2	
	Nhổ cỏ, xới đất quanh gốc	lần/năm	12	12	6	
	Trồng dặm (<i>tỷ lệ theo diện tích cây cắt xén</i>)	%/năm	20	10	5	
2.9	Cây leo					
	Tưới nước	lần/năm	190	170	160	
	Cắt tỉa, cột dây	lần/năm	12	10	6	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	2	1	1	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	2	1	1	
	Phun thuốc trừ sâu bệnh	lần/năm	6	6	4	
	Nhổ cỏ, xới đất quanh gốc	lần/năm	12	10	6	
	Trồng dặm (<i>tỷ lệ theo tổng số cây</i>)	%/năm	5	3	Khi cần	
2.10	Cây thủy sinh					
	Cắt tỉa lá úa, hoa tàn	lần/năm	104	52	12	
	Bón phân vô cơ	lần/năm	6	6	2	
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	6	6	2	

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)			
			Mức độ 1 CS đặc biệt	Mức độ 2 CS tỉ mỉ	Mức độ 3 CS duy trì	Mức độ 4 CS tự nhiên
	Trồng dặm (tỷ lệ theo tổng số chậu cây thủy sinh)	%/năm	10	5	Không	
	Thay chậu hồng, vớ (tỷ lệ theo tổng số chậu cây thủy sinh)	%/năm	5	3		

2. Bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch			
			Cấp 1 KGXC C	Cấp 2 KGXM Q	Cấp 3 KGXTT	Cấp 4 KGXT N
1	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh					
1.1	Thảm cỏ					
	- Quét rác					
	+ Công viên	lần/năm	365	365	365 x 30%	
		lần/năm	Công viên khu vực cầu Sài Gòn: 365 x 50%			
	- Nhật rác					
	+ Công viên	lần/năm	365			
	+ Mảng xanh	lần/năm	365	365 x 50%	365 x 30%	12
	<p>- Một số mảng xanh lớn, ít cây xanh rụng lá như: Xa lộ Hà Nội khu vực phường Thảo Điền, Xa lộ Hà Nội khu vực Hành lang tuyến ống nước, Xa lộ Hà Nội trước Khu công nghệ cao Q9, Xa lộ Hà Nội khu vực trạm thu phí cũ, nút giao thông Thủ Đức, nút giao Tân Kiên, nút giao thông Cát Lái, khu đất đầu nút giao thông Cát Lái, taluy nút giao thông Cát Lái và xa lộ Hà Nội, khu đất cuối nút giao Cát Lái gần cầu Rạch Chiếc, đường Rừng sác và Đất dự trữ giao thông dọc đường Phạm Văn Đồng - Kha Vạn Cân: thực hiện nhật rác 365 lần/năm (bình quân trên 20% diện tích);</p> <p>- Đối với các mảng xanh có trồng cây xanh, vào thời điểm cây xanh rụng lá nhiều được áp dụng công tác</p>					

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch			
			Cấp 1 KGXC C	Cấp 2 KGXMQ	Cấp 3 KGXTT	Cấp 4 KGXT N
			"quét rác" với khối lượng thực hiện bình quân 50% diện tích.			
1.2	Cây che phủ nền và cây trang trí (áp dụng cho các loại cây trang trí: hoa ngắn ngày, kiểng có hoa, kiểng lá, cây cắt xén)					
	- Nhặt rác					
	+ Công viên	lần/năm	104	52	12	
	+ Mảng xanh	lần/năm	365	365 x 50%	365 x 30%	
1.3	Sân nền, vỉa hè, đường đi:					
	- Quét rác					
	+ Công viên	lần/năm	365	365	365	
	+ Mảng xanh	lần/năm	365	52	52	
	- Nhặt rác					
	+ Công viên	lần/năm	365	365	365	
	+ Mảng xanh	lần/năm	365	313 x 50%	313 x 50%	
	- Rửa vỉa hè, lối đi lát gạch	lần/năm	52	12 x 50%	12 x 50%	
	- Vệ sinh nền đá ốp lát	lần/năm	52	12	12	
	- Làm cỏ đường đan, đường gạch	lần/năm	3	2	2	
	- Làm cỏ đường đất	lần/năm		4	3	
1.4	Ghế ngồi					
	- Rửa, lau.	lần/năm	52	12	12	
1.5	Mái nhà (nhà phục vụ công cộng)					
	- Dọn lá cây trên mái nhà	lần/năm	24	12	12	
1.6	Nhà mát hình nấm					
	- Chà rửa	lần/năm		12		
1.7	Hồ nước					
	- Vớt lá khô trên mặt hồ và thông béc phun	lần/năm	365	365 x 70%		
	- Thay nước hồ (áp dụng cho hồ xây)	lần/năm	12	08 (hồ Con		

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch			
			Cấp 1 KGXC C	Cấp 2 KGXMQ	Cấp 3 KGXTT	Cấp 4 KGXT N
				<i>Rùa 04 lần/năm)</i>		
	- Vận hành máy bơm	lần/năm	365	365		
1.8	Tượng, tiểu cảnh					
	- Vệ sinh tượng, bảo dưỡng tiểu cảnh	lần/năm	12	10	8	
1.9	Thùng rác					
	- Chà rửa thùng rác	lần/năm	52	12	10	
1.10	Nhà vệ sinh công cộng					
	- Chà rửa nền nhà vệ sinh	lần/năm	1095	730	730	
	- Chà rửa, lau chùi các hạng mục trong nhà vệ sinh	lần/năm	365	156	156	
1.11	Sân chơi cát					
	- Nhật, dọn rác	lần/năm		365	365	
1.12	Cống rãnh, hố ga					
	- Nạo vét bùn, khơi thông cống rãnh, hố ga	lần/năm	2	2	2	
1.13	Mương, kênh, rạch					
	- Nhật, thu gom phế thải và vớt rau bèo					
1.14	Thu gom, vận chuyển rác đến vị trí xử lý	lần/năm	365	365	365	12
	- Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên, mảng xanh	lần/năm	365	365	365	12
	- Vận chuyển rác đến điểm xử lý	lần/năm	365	365	365	12
2	Vận hành, bảo dưỡng hệ thống tưới tự động, trong công viên, mảng xanh					
2.1	Kiểm tra van điện từ	lần/năm	26	26	26	
2.2	Kiểm tra, vệ sinh máy bơm	lần/năm	4	4	4	
2.3	Kiểm tra thông số, vận hành, bảo dưỡng tủ điều khiển bao	lần/năm	26	26	26	

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch			
			Cấp 1 KGXC C	Cấp 2 KGXMQ	Cấp 3 KGXTT	Cấp 4 KGXT N
	gồm cả bộ phận cảm ứng mưa và cảm biến lưu lượng (nếu có)					
2.4	Kiểm tra, điều chỉnh, vệ sinh vòi và thân phun	lần/năm	190	170	160	
2.5	Kiểm tra, vệ sinh đường ống và phụ kiện	lần/năm	4	4	4	
2.6	Vệ sinh bể chứa nước	lần/năm	2	2	2	
2.7	Đo, kiểm tra áp lực của mỗi kênh tưới	lần/năm	12	12	12	
3	Bảo dưỡng thiết bị thể dục thể thao và trò chơi thiếu nhi trong công viên, mảng xanh					
3.1	Thiết bị không chuyển động					
	- Vệ sinh, chà rửa thiết bị	lần/năm	52	24	24	
	- Kiểm tra, bảo dưỡng (bao gồm xiết bulong)	lần/năm	52	52	52	
3.2	Thiết bị chuyển động					
	- Vệ sinh, chà rửa thiết bị	lần/năm	52	24	24	
	- Kiểm tra, bảo dưỡng (bao gồm xiết bulong, tra dầu mỡ)	lần/năm	52	52	52	
3.3	Bảo dưỡng sàn cao su					
	- Kiểm tra, vệ sinh, chà rửa sàn cao su	lần/năm	52	24	24	
	- Hút bụi sàn cao su trong nhà	lần/năm	52	52	52	
3.4	Bảo dưỡng bể chứa nước và vận hành máy bơm					
	- Cọ rửa, xúc xả bể chứa	lần/năm	52			
	- Vận hành máy bơm nước vào bể chứa	lần/năm	365			

Ghi chú: Tại cột định ngạch “Số lần thực hiện x tỷ lệ %” là: mỗi lần tác động thực hiện bình quân một phần diện tích trên tổng diện tích thảm cỏ, cây che phủ nền, cây trang trí hoặc vỉa hè, đường

đi. Ví dụ “365 x 50%” là thực hiện 365 lần/năm (hàng ngày) và mỗi lần bình quân 50% diện tích so với diện tích quản lý.

2. Chăm sóc cây xanh bóng mát:

2.1. Phân nhóm và phân loại cây xanh bóng mát:

2.1.1. Phân nhóm:

Dựa vào đặc điểm sinh trưởng, các loài cây trồng đô thị sẽ được phân theo 02 nhóm chính sau:

a) Nhóm 1: Nhóm các loài cây có đặc điểm sinh trưởng nhanh:

- Các loài cây điển hình: Bò cạp nước, Giáng hương lá lớn, Lim sét, Phượng vĩ, Me tây, Sọ khi, Bằng lăng.

b) Nhóm 2: Nhóm các loài cây có đặc điểm sinh trưởng trung bình và chậm:

- Các loài cây điển hình: Giáng hương lá nhỏ, Lát hoa, Me chua, Long não, Sấu, Kèn hồng, Muồng hoa đào, Mát hai cánh, Cốp hoa trắng, Cẩm lai, Cầm xe, Gõ mật, Gõ đỏ, Lộc vừng, Vàng anh, Nhạc ngựa, Viêt, Giá tỵ, Lim xanh, Mặc nưa, Vấp.

- Ngoài ra, trên cơ sở phân nhóm chính loài cây nêu trên, theo đặc thù chủng loại và để phù hợp với hình thức tác động, chăm sóc cụ thể, một số loài sẽ được phân theo nhóm:

+ Nhóm các loài cây thuộc họ Sao Dầu: Các loài cây điển hình: Sao, Dầu, Cẩm liên, Sến cát, Vên vên...

+ Nhóm các loài cây tiểu mộc: Các loài cây điển hình: Móng bò, Muồng hoa vàng, Liễu xanh, Chuông vàng, Chiết sen, Tràm bông đỏ.

Giao Sở Giao thông vận tải ban hành cụ thể danh mục loài cây theo phân nhóm để phục vụ cho công tác chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên.

2.1.2. Phân loại:

- Cây mới trồng: cây trong giai đoạn sau khi trồng 90 ngày đến khi được 02 năm.

- Cây loại 1: cây có đường kính $D_{1,3}$ đến 20cm và chiều cao vút ngọn $H_{vn} > 3,0m$.

- Cây loại 2: cây có đường kính $D_{1,3}$ từ 20cm đến 50cm và chiều cao vút ngọn $H_{vn} > 6,0m$, trong đó:

+ Cây loại 2A: cây có đường kính $D_{1,3}$ từ 20cm đến <35cm.

+ Cây loại 2B: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 35cm đến 50cm.

- Cây loại 3: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 50cm trở lên và chiều cao vút ngọn $H_{vn} > 12m$, trong đó:

+ Cây loại 3A: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 50cm đến $< 80cm$.

+ Cây loại 3B: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 80cm đến $< 120cm$.

+ Cây loại 3C: cây có đường kính $D_{1.3}$ từ 120cm trở lên.

($D_{1.3}$ là đường kính được đo tại chiều cao tiêu chuẩn 1,3m)

2.2. Hình thức cắt tỉa

2.2.1. Cắt, tỉa định hình tán cây

Thực hiện cho cây có tán tạm thời, kích thước còn nhỏ (Cây chưa trưởng thành): Là cây có các cành, nhánh sẽ mất đi dần dần do tỉa thưa tự nhiên hoặc do cắt, tỉa cành.

- Bảo vệ, duy trì và phát triển ngọn cây:

+ Loại bỏ ngọn chẻ đôi (nếu có).

+ Tỉa quang ngọn cây: Loại bỏ một số nhánh nách và điều tiết sự phát triển của các nhánh được giữ lại.

+ Thay thế ngọn cây: Tạo điều kiện cho một nhánh khỏe mọc thấp hơn được phát triển để thay thế ngọn cây bị hư hại (cụt, cong, khiếm khuyết) bằng cách buộc nhánh khỏe vào phần chừa của ngọn cũ, để giúp trục mới này dựng đứng lên.

- Loại bỏ cành, nhánh tạm nhằm tạo khoảng thông thoáng: Khoảng thông thoáng thay đổi tùy theo tình trạng và yêu cầu đối với mỗi cây, mỗi loài cây.

- Điều tiết sự phát triển (chiều cao cây, đường kính tán của cây) thông qua công tác nâng dần vòm tán: Nâng cao vòm tán chỉ thực hiện dần dần (không thực hiện đột ngột) và phải phù hợp với tỷ lệ chiều cao của cây.

- Đánh giá, lựa chọn cành, nhánh được định hình là cành, nhánh chính để hình thành tán cây ổn định về sau.

- Sửa dáng cho cây để thay đổi hoặc cải thiện hình dáng của cây (trong một số trường hợp cần thiết).

- Áp dụng thực hiện: Đối với cây mới trồng và cây loại 1 thuộc đường phố cấp 1, 2, 3 và trong công viên, mảng xanh công cộng có người dân sinh hoạt.

2.2.2. Cắt, tỉa bảo dưỡng

Thực hiện cho cả cây có tán tạm thời và cây có tán ổn định (là cây có các cành chính đa niên _ còn được gọi là khung sườn).

- Tỉa thưa vòm tán: Loại bỏ cánh, nhánh bên trong tán để làm thưa tán nhằm tạo khoảng trống cho gió xuyên qua, tập trung nuôi dưỡng cành chính tạo khung của tán cây (thực hiện đối với cây thuộc phân loại 2 và loại 3).

- Xử lý cành, nhánh xụ: Cắt, mé các nhánh thược, nhánh vươn dài để làm thông thoáng, gọn tán (Thực hiện đối với cây thuộc phân loại mới trồng, loại 1, loại 2 và loại 3).

- Xử lý cành, nhánh khiếm khuyết, hư hại và sâu bệnh: Loại bỏ những cành, nhánh có biểu hiện này để đảm bảo sinh trưởng, an toàn cho cây (Thực hiện đối với cây thuộc phân loại mới trồng, loại 1, loại 2 và loại 3).

- Xử lý nhánh khô: Loại bỏ cành, nhánh bị khô; cành, nhánh có dấu hiệu, diễn biến đang khô dần (Thực hiện đối với cây thuộc phân loại 1, loại 2 và loại 3).

- Gỡ ký sinh, phụ sinh: Gỡ bỏ loại cây sống ký sinh, phụ sinh gây hại trên cây chủ.(Thực hiện đối với cây thuộc phân loại 2 và loại 3).

- Tẩy chồi thân cây: Rong, loại bỏ chồi con phát triển trên thân cây (Thực hiện đối với cây thuộc phân loại mới trồng, loại 1, loại 2 và loại 3).

- Áp dụng thực hiện: Đối với cây mới trồng, cây loại 1, cây loại 2 và cây loại 3. Tùy theo phân loại mà áp dụng thành phần công việc phù hợp.

2.2.3. Cắt, tỉa tạo hình tán cây

Cắt, tỉa tạo hình dáng cho tán cây theo định hình mong muốn (tán hình cầu, tán hình trứng, tán hình tháp...) đối với những chủng loài cây phù hợp về hình thái tán lá.

Áp dụng thực hiện: Đối với một số chủng loại như: Lim sét, Me chua, Mặc nưa, Lộc vừng, Me tây.

2.2.4. Hạ thấp chiều cao cây

Cắt, tỉa làm thấp đỉnh ngọn cây do tình trạng tán phát triển lớn làm mất cân đối (nặng tán, nhiều cành vươn cao) hoặc cây có tán đang gây mất an toàn, ảnh hưởng đến các công trình trên không (điện lực). Việc hạ thấp tán cây sẽ làm hạ trọng tâm tạo độ vững chắc cho cây, nhất là trong mùa mưa bão.

- Loại bỏ hoặc cắt, tỉa cành phát triển vươn cao.

- Thu gọn vòm tàn.
- Tỉa thưa vòm tán.
- Áp dụng thực hiện: đối với cây phân loại 2 và loại 3 (trừ một số chủng loại như Dầu, Phượng vĩ, ...).

2.2.5. Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tế còn có hình thức cắt, tỉa xử lý:

Hình thức cắt, tỉa này nhằm giải quyết sự ảnh hưởng, tác động của tán cây đến sinh hoạt, đến các công trình lân cận và xung quanh hay để khắc phục ngay tình trạng mất an toàn của cây:

- Tầm quan sát của người tham gia giao thông trên đường, tầm quan sát đèn tín hiệu, biển báo.
- Ảnh hưởng của tán cây đến các công trình: điện lực, chiếu sáng, nhà dân, công sở,
- Nhánh gãy còn dính trên thân, cành.
- Áp dụng thực hiện theo tình hình thực tế cho các nhóm cây theo các cấp phân loại, nhưng cần tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật chung của công tác cắt, tỉa.

2.3. Mức độ chăm sóc:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)				
			Khu vực đường phố cấp 1	Khu vực đường phố cấp 2	Khu vực đường phố cấp 3	Trong công viên, mảng xanh có người vào sinh hoạt	Trong các mảng xanh khu vực cách ly, đất dự trữ
1	Cây xanh bóng mát mới trồng						
1.1	Cây thuộc nhóm sinh trưởng nhanh						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	3 x 100%	3 x 100%	2 x 100%	2 x 100%	2 x 100%
	Cắt, tỉa định hình tán cây	lần/năm	2 x 100%	2 x 100%	2 x 100%	2 x 100%	
	Chống sửa cây nghiêng	lần/năm	4 x 20%	2 x 20%	2 x 10%	2 x 10%	2 x 10%
1.2	Cây thuộc nhóm sinh trưởng trung bình và chậm						

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)				
			Khu vực đường phố cấp 1	Khu vực đường phố cấp 2	Khu vực đường phố cấp 3	Trong công viên, mảng xanh có người vào sinh hoạt	Trong các mảng xanh khu vực cách ly, đất dự trữ
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	2 x 80%	2 x 80%	1 x 80%	2 x 80%	2 x 60%
	Cắt, tỉa định hình tán cây	lần/năm	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	
	Chống sửa cây nghiêng	lần/năm	3 x 20%	2 x 20%	2 x 10%	2 x 10%	1 x 10%
1.3	Áp dụng cho cả hai nhóm: sinh trưởng nhanh, sinh trưởng trung bình và chậm						
	Tưới nước	lần/năm	140	120	120	120	60
	Bón phân hữu cơ	lần/năm	2	1	1	1	
	Vệ sinh quanh gốc cây	lần/năm	12	12	6		
2	Cây xanh bóng mát loại 1						
2.1	Cây thuộc nhóm sinh trưởng nhanh						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	3 x 70%	3 x 60%	2 x 60%	2 x 50%	2 x 40%
	Cắt, tỉa định hình tán cây	lần/năm	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	
2.2	Cây thuộc nhóm sinh trưởng trung bình và chậm						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	2 x 70%	2 x 60%	2 x 50%	2 x 40%	2 x 30%
	Cắt, tỉa định hình tán cây	lần/năm	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	1 x 100%	
2.3	Áp dụng cho cả hai nhóm sinh trưởng nhanh, sinh trưởng trung bình và chậm						
	Chống sửa cây nghiêng	lần/năm	2 x 5%	1 x 5%	1 x 5%	1 x 5%	1 x 5%
	Vệ sinh quanh gốc cây	lần/năm	12	12	6		

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)				
			Khu vực đường phố cấp 1	Khu vực đường phố cấp 2	Khu vực đường phố cấp 3	Trong công viên, mảng xanh có người vào sinh hoạt	Trong các mảng xanh khu vực cách ly, đất dự trữ
3	Cây xanh bóng mát loại 2						
3.1	Cây thuộc nhóm sinh trưởng nhanh						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	3 x 60%	2 x 60%	2 x 50%	2 x 60%	2 x 30%
3.2	Cây thuộc nhóm sinh trưởng bình và chậm						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	2 x 60%	2 x 50%	2 x 40%	2 x 50%	1 x 40%
3.3	Áp dụng cho cả hai nhóm sinh trưởng nhanh, sinh trưởng trung bình và chậm						
	Kiểm tra, lấy nhánh khô	lần/năm	2	2	2	2	
	Vệ sinh quanh gốc cây	lần/năm	12	12	6		
3.4	Áp dụng cho nhóm cây họ Sao, Dầu						
	Kiểm tra, lấy nhánh khô	lần/năm	3	3	3	3	2
4	Cây xanh bóng mát loại 3						
4.1	Áp dụng cho cả 2 nhóm: trưởng nhanh, sinh trưởng bình và chậm						
	Cắt, tỉa bảo dưỡng	lần/năm	2 x 55%	2 x 50%	2 x 40%	2 x 50%	2 x 30%
	Kiểm tra, lấy nhánh khô	lần/năm	2	2	2	2	1
	Vệ sinh quanh gốc cây	lần/năm	12	12	6		
4.2	Áp dụng cho nhóm cây họ Sao, Dầu						
	Kiểm tra, lấy	lần/năm	3	3	3	3	2

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức độ chăm sóc (Định ngạch)				
			Khu vực đường phố cấp 1	Khu vực đường phố cấp 2	Khu vực đường phố cấp 3	Trong công viên, mảng xanh có người vào sinh hoạt	Trong các mảng xanh khu vực cách ly, đất dự trữ
	nhánh khô						
5	Cây xanh bóng mát tạo hình: Thực hiện công tác cắt tỉa để duy trì hình dạng tán cây được tạo						
	Cây thuộc nhóm sinh trưởng nhanh	lần/năm	3 x 100%	3 x 100%		3 x 100%	
	Cây thuộc nhóm sinh trưởng bình và chậm	lần/năm	2 x 100%	2 x 100%		2 x 100%	

Ghi chú:

- Tưới nước, bón phân hữu cơ và vệ sinh quanh gốc cây, áp dụng với cây không có mảng xanh bên dưới.
- Trường hợp thực hiện cắt, tỉa tạo hình thì sẽ không thực hiện cắt, tỉa bảo dưỡng.
- Tại cột định ngạch “số lần thực hiện x tỷ lệ %” là: mỗi lần tác động thực hiện một số lượng cây trên tổng số cây quản lý, ví dụ “2 x 55%” là thực hiện 02 lần/năm và mỗi lần tác động đối với 55% số cây quản lý.

3. Chăm sóc cây có kích thước nhỏ (cao<3,0m, đường kính gốc<6,0cm)

TT	Hạng mục	ĐVT	Định ngạch	Ghi chú
1	Tưới nước	lần/năm	60	Áp dụng cho cây không có mảng xanh dưới gốc
2	Xới đất, bón phân	lần/năm	1	
3	Cắt tỉa, tẩy chồi, chống sừa cây nghiêng	lần/năm	2 x 50%	
4	Phòng trừ sâu, bệnh	lần/năm	4	
5	Phát thực bì	lần/năm	4	

4. Đánh số quản lý cây bóng mát

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
1	Đánh số quản lý cây xanh	lần/2năm	01

5. Hạ thấp chiều cao; đốn hạ, di dời; giải tỏa cây và cành, nhánh cây

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch	Ghi chú
1	Hạ thấp chiều cao cây	%	2	<i>Áp dụng cho cây loại 2 và loại 3</i>
2	Đốn hạ, di dời cây	%	5	
3	Giải tỏa nhánh cây	%	2	
4	Giải tỏa cây ngã, đổ	%	2	

6. Khảo sát đánh giá tình trạng cây

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch	Ghi chú
1	Khảo sát đột xuất, đánh giá tình trạng cây loại 2, cây loại 3	%	2	<i>Đề xuất từ công tác tuần tra hoặc theo yêu cầu của đơn vị quản lý</i>
2	Khảo sát định kỳ, đánh giá tình trạng cây loại 3	lần/năm	1	<i>Số lần/năm căn cứ vào kết quả khảo sát, đánh giá của đợt trước đó.</i>
		lần/năm	2	

PHỤ LỤC 8
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Khối lượng công tác quản lý, vận hành

TT	Hạng mục	Định ngạch
1	Quản lý thường xuyên trên mặt cống	Hàng ngày
2	Kiểm tra phát hiện những hư hỏng trong lòng cống bằng thủ công, bằng thiết bị chuyên dụng	Xác định theo yêu cầu thực tế
3	Quản lý mương sông, kênh rạch.	Hàng ngày
5	Trực mưa	7 tháng (mùa mưa)/ năm/ trên các điểm ngập (từ tháng 5 đến tháng 11)
6	Kiểm soát tình trạng ngập	Xác định theo yêu cầu thực tế
7	Kiểm soát tình trạng ô nhiễm hệ thống cống thoát nước bằng mẫu bùn	2 lần/năm (1 lần mùa khô và 1 lần mùa mưa)
8	Kiểm soát tình trạng ô nhiễm hệ thống kênh rạch thoát nước bằng mẫu bùn	2 lần/năm (1 lần mùa khô và 1 lần mùa mưa)
9	Kiểm soát tình trạng ô nhiễm cống thoát nước bằng mẫu nước	2 lần/năm (1 lần mùa khô và 1 lần mùa mưa)
10	Kiểm soát tình trạng ô nhiễm kênh rạch thoát nước bằng mẫu nước	2 lần/năm (1 lần mùa khô và 1 lần mùa mưa)
11	Cập nhật hồ sơ, số liệu trên máy vi tính	Hàng ngày

2. Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
I	Vận hành, bảo dưỡng mạng lưới đường cống thoát nước mưa, thoát nước thải, cống bao, kênh mương, hồ điều hòa		
1	Nạo vét máng của hầm ga thu nước	Lần/cái	12 lần/năm (1 tháng 1 lần)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
2	Nạo vét hầm ga	Lần/cái	4 lần/năm (3 tháng 1 lần)
3	Nạo vét lòng cống và hầm ga, máng	md	1 lần/năm (hoặc theo yêu cầu thực tế)
4	Nạo vét kênh mương	md	Xác định theo yêu cầu thực tế
5	Sửa chữa tường hầm ga	cái	1%-10% tổng hầm/ phụ thuộc tuyến mới hay cũ
6	Sửa chữa miệng thu nước hầm ga	cái	1%-10% tổng máng phụ thuộc tuyến mới hay cũ
7	Nâng khuôn hầm ga	cái	≤ 5% tổng hầm phụ thuộc tuyến mới hay cũ
8	Thay khuôn	cái	1%-10% tổng hầm phụ thuộc tuyến mới hay cũ
9	Thay nắp hầm ga	cái	1%-10% tổng nắp phụ thuộc tuyến mới hay cũ
10	Thay máng, lưới	cái	1%-10% tổng máng phụ thuộc tuyến mới hay cũ
11	Lắp đặt lưới chắn rác	cái	1%- 10% tổng miệng thu phụ thuộc tuyến mới hay cũ
12	Sửa chữa cống bị sụp	md	1m-3 md/1 km phụ thuộc tuyến mới hay cũ
13	Lắp đặt miệng thu nước	cái	1%-10% tổng miệng thu thuộc tuyến mới hay cũ
15	Vét rãnh hở	Lần/năm	2 lần/năm (hoặc theo yêu cầu thực tế)
16	Vét rãnh kín	Lần/năm	1 lần/năm (hoặc theo yêu cầu thực tế)
17	Sửa chữa rãnh xây gạch	% tổng diện tích rãnh	1% hoặc xác định theo yêu cầu thực tế
18	Sửa chữa rãnh xây đá	% tổng diện	1% hoặc xác định theo yêu

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
		tích rãnh	cầu thực tế
19	Bổ sung khuôn, nắp, máng, lưới, lưới chắn rác	cái	1%-10% tổng số lượng/ phụ thuộc tuyến mới hay cũ
20	Sửa chữa nứt tường đầu, tường cánh cống, sạt lở tường cánh;	cái	Xác định theo yêu cầu thực tế
21	Vận hành trạm bơm chống ngập	Giờ bơm	Xác định theo yêu cầu thực tế
22	Vận hành, quản lý van ngăn triều	Lần/cái	Xác định theo yêu cầu thực tế
II	Vận hành, bảo dưỡng công kiểm soát triều		
1	Thau rửa, vớt rác kênh rạch (hồ điều tiết)	Lần/ngày	2 lần/ngày (Xác định theo thực tế bằng triều, triều cường)
2	Bảo trì, bảo dưỡng tủ điện, động cơ, thiết bị cơ khí, hệ thống chiếu sáng và sensor	Lần/tuần	48 lần/năm
3	Thay dầu định kỳ cho hệ thống thủy lực.	Lần/năm	1 lần/năm
III	Vận hành, bảo dưỡng trạm bơm thoát nước		
1	Vớt rác tại hầm bơm	cái	Xác định theo yêu cầu thực tế
2	Bảo trì, bảo dưỡng tủ điện, khung chắn rác, bơm, thiết bị cơ khí, hệ thống chiếu sáng và sensor	Lần/tuần	48 lần/năm
3	Bảo dưỡng, sửa chữa máy bơm và thiết bị theo định kỳ (Sửa chữa nhỏ)	cái	1 lần/năm
4	Sửa chữa, bảo dưỡng trạm bơm thoát nước (Sửa chữa lớn)	cái	Xác định theo yêu cầu thực tế
IV	Vận hành, bảo dưỡng trạm, nhà máy xử lý nước thải		
1	Lập kế hoạch công tác vận hành, bảo	Lần/tháng	1

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
	duỡng nhà máy		
2	Triển khai công tác vận hành, bảo dưỡng	-	Xác định theo yêu cầu thực tế
3	Báo cáo định kỳ tình hình công tác vận hành, bảo dưỡng đến chủ sở hữu	Lần/tháng	1
4	Kiểm soát công nghệ xử lý nước thải, bùn thải, khí thải	Lần/ngày	2
5	Kiểm soát, đánh giá hiệu quả xử lý	Lần/ngày	1
6	Giám sát môi trường định kỳ	Lần/năm	4
7	Thu gom chất thải rắn thông thường	-	Thường xuyên
8	Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại	Lần/năm	1 đến 2
10	Bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghệ tại trạm nhà máy xử lý nước thải	Lần/năm	1 đến 12
11	Sửa chữa máy móc, hạ tầng, thiết bị công nghệ tại trạm, nhà máy xử lý nước thải	-	Xác định theo yêu cầu thực tế
12	Kiểm định máy móc, thiết bị công nghệ tại trạm nhà máy xử lý nước thải	Lần/năm	1
13	Xử lý các sự cố bất thường, các hư hỏng đột xuất phát sinh	-	Xác định theo yêu cầu thực tế
14	Bảo trì các bể xử lý	Lần/năm	1
15	Nạo vét bùn lắng tại các bể, hồ xử lý, khoang bơm nhà máy	Lần/năm	1 đến 4
16	Trung tu, đại tu các máy móc, thiết bị chính	-	Xác định theo yêu cầu thực tế
17	Kiểm tra, cập nhật tình trạng máy móc thiết bị đến chủ sở hữu	Lần/năm	1
18	Quản lý vật tư, vật tư dự phòng, hoá	-	Xác định theo yêu cầu thực tế

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định ngạch
	chất, công cụ, dụng cụ phục vụ công tác vận hành bảo dưỡng		
19	Về chăm sóc cây xanh, mảng xanh trong khuôn viên trạm và nhà máy xử lý	-	Xác định tương tự theo Phụ lục 7

PHỤ LỤC 9
KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

▪ **Khối lượng công tác quản lý, vận hành**

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Định ngạch		
			Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	Cơ quan quản lý ĐTNĐ theo phân cấp tự tổ chức kiểm tra tuyến thường xuyên toàn bộ tuyến luồng	lần/năm	52	52	52
2	Đo sơ khảo bãi cạn	lần/năm	14	8	4
3	Đo mực nước	lần/ngày	3	3	3
4	Đo kiểm tra hố xói tại các vị trí có nguy cơ xuất hiện cao	lần/năm	02	02	02
5	Đếm phương tiện vận tải lưu thông trên tuyến	giờ/ngày	24	24	24
6	Kiểm tra đèn hiệu ban đêm	lần/năm	12	12	12
7	Quan hệ địa phương	lần/năm/trạm	12	12	12

▪ **Khối lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên**

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Định ngạch		
			Loại 1	Loại 2	Loại 3
I	Bảo trì báo hiệu				
1	Thả phao	lần/năm/quả	2	2	2
2	Điều chỉnh phao	lần/năm/quả	9	9	9
3	Chống bồi rùa	lần/năm/quả	6	6	6
4	Trục phao	lần/năm/quả	2	2	2
5	Bảo dưỡng phao	lần/năm/quả	1	1	1
6	Sơn màu giữa kỳ phao	lần/năm/quả	1	1	1
7	Bảo dưỡng xích nín	lần/năm/đường	1	1	1
8	Chỉnh cột báo hiệu	lần/năm/cột	2	2	2

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Định ngạch		
			Loại 1	Loại 2	Loại 3
9	Dịch chuyển cột báo hiệu	% số cột	20	10	5
10	Bảo dưỡng cột, biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật	lần/năm/cột, biển	1	1	1
11	Sơn màu giữa kỳ cột, biển báo hiệu, cột biển tuyên truyền luật	lần/năm/cột, biển	1	1	1
12	Sơn màu cột bê tông	lần/năm/cột	2	2	2
13	Bảo dưỡng biển báo hiệu cầu	lần/năm/biển	1	1	1
14	Sơn màu giữa kỳ biển báo hiệu cầu	lần/năm/biển	1	1	1
15	Bảo dưỡng lồng đèn, hòm ắc quy	lần/năm/đèn	1	1	1
16	Sơn màu giữa kỳ lồng đèn, hòm ắc quy, rào chống trèo	lần/năm/đèn	1	1	1
17	Phát quang quanh báo hiệu	lần/năm/cột	2	2	2
18	Sửa chữa, khắc phục thay thế hư hỏng của báo hiệu	lần/năm/báo hiệu	Xác định và thực hiện theo thực tế		
19	Thay đèn; thay thế đèn theo niên hạn sử dụng; sửa chữa nhỏ, thay thế các linh kiện bị hỏng của đèn		Xác định và thực hiện theo thực tế		
20	Kiểm tra vệ sinh đèn năng lượng mặt trời	lần/năm/đèn	12	12	12
II	Bảo trì thường xuyên kè bờ		Xác định và thực hiện theo thực tế		
III	Duy tu luồng sông, kênh, rạch được phân cấp quản lý		Xác định và thực hiện theo thực tế		

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng